

Dự thảo

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

BÁO CÁO
TỔNG KẾT THỰC TIỄN THI HÀNH LUẬT KẾ TOÁN 2015
(Từ năm 2017 đến nay)

Luật Kế toán năm 2015¹ có hiệu lực từ năm 2017, đã tiếp cận hơn các nguyên tắc, thông lệ chung về kế toán, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của Việt Nam; làm cơ sở cho việc hoàn chỉnh khung pháp lý đầy đủ về kế toán theo hướng tiếp cận gần hơn các thông lệ quốc tế, tổ chức triển khai lập báo cáo tài chính nhà nước toàn quốc và các địa phương, tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ tại các doanh nghiệp, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp; hỗ trợ và hướng dẫn cho các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ thực hiện công tác kế toán phù hợp, hiệu quả.

Thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ tại Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 11/03/2022 của Chính phủ, Chiến lược kế toán kiểm toán đến năm 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 633/QĐ-TTg ngày 23/05/2022, Bộ Tài chính báo cáo tổng kết thực tiễn thi hành Luật Kế toán giai đoạn 2017 đến nay, từ đó đề xuất các nội dung bổ sung, sửa đổi nhằm thực hiện kế hoạch xây dựng Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Kế toán 2015, như sau:

Phần I
CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, TỔ CHỨC TRIỂN KHAI
THI HÀNH LUẬT KẾ TOÁN

1. Công tác phổ biến, tuyên truyền, theo dõi, đôn đốc, hỗ trợ pháp lý, hướng dẫn tháo gỡ khó khăn vướng mắc, khó khăn trong thi hành Luật Kế toán

Luật Kế toán số 88/2015/QH13 được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20/11/2015, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017. Bộ Tài

¹ Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015.

chính đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan thực hiện các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật về kế toán đến các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan bằng nhiều hình thức như: tổ chức hội nghị, hội thảo phổ biến văn bản quy phạm pháp luật; đăng tải bài viết trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Bộ Tài chính cũng chủ động theo dõi quá trình triển khai thi hành Luật Kế toán, kịp thời phát hiện và tiếp nhận ý kiến phản ánh từ các đơn vị kế toán để có hướng dẫn khắc phục, giải đáp vướng mắc, khó khăn trong thực tiễn thi hành Luật. Ngoài ra, Bộ Tài chính đã tích cực, chủ động phối hợp với các tổ chức, đơn vị khác trong công tác đào tạo, hỗ trợ pháp lý cho các đơn vị kế toán trong việc tuân thủ quy định pháp luật về kế toán, tài chính, ngân sách, thuế và pháp luật khác. Những hoạt động trên đã giúp cho Luật Kế toán nhanh chóng phát huy tác dụng, đi vào cuộc sống, góp phần thúc đẩy sự phát triển của lĩnh vực kế toán Việt Nam nói riêng và kinh tế Việt Nam nói chung.

Về phía các đơn vị kế toán, theo quy định của Luật Kế toán đều có tổ chức bộ máy kế toán, bố trí người làm kế toán, kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán, để tham mưu, tư vấn cho lãnh đạo doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị trong việc áp dụng, thi hành pháp luật. Các nội dung này không chỉ liên quan đến kế toán, mà còn bao gồm cả các nội dung khác có liên quan như các quy định về ngân sách, tài chính, thuế; xây dựng quy trình, quy chế nội bộ; ký kết và thực hiện hợp đồng; kê khai nộp thuế, bảo hiểm; thanh toán với đối tác, người mua, người bán,... Từ đó, giúp cho đơn vị kế toán thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ với nhà nước, người lao động và các bên liên quan đúng theo quy định của pháp luật.

2. Công tác chỉ đạo, tổ chức ban hành văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành

Sau khi Luật Kế toán 2015 được ban hành, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 196/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành các Luật được thông qua tại kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XIII, trong đó có Luật Kế toán. Việc tổ chức triển khai thi hành Luật Kế toán được Chính phủ và Bộ Tài chính chỉ đạo sát sao thông qua việc ban hành các Nghị định và Thông tư hướng dẫn thực hiện. Từ khi Luật Kế toán được ban hành đến nay, đã có nhiều văn bản do Chính phủ và Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn thực hiện, trong đó có 05 Nghị định của Chính phủ và 39 Thông tư của Bộ Tài chính (Phụ lục kèm theo).

Các văn bản quy pháp pháp luật trên đã bao quát khá toàn diện các vấn đề pháp lý về lĩnh vực kế toán, khá phù hợp với thực tiễn và tạo lập được hành lang pháp lý vững chắc, góp phần thúc đẩy hoạt động kế toán phát triển.

Nhìn chung, các văn bản hướng dẫn thi hành chi tiết Luật Kế toán được ban hành kịp thời, đảm bảo tiến độ đề ra, tạo lập được một hệ thống văn bản pháp luật về kế toán đồng bộ, thống nhất với các văn bản pháp luật khác có liên quan. Các văn bản này, ngoài các mục tiêu về kế toán còn đáp ứng mục tiêu thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, giảm chi phí cho đơn vị kế toán, các bên liên quan, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của đất nước và chuẩn mực, thông lệ quốc tế. Qua đó, góp phần đưa Luật Kế toán vào cuộc sống, đảm bảo sự thống nhất, hiệu quả trong việc áp dụng pháp luật trên thực tế.

Phần II

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CHỦ YẾU

TRONG THI HÀNH LUẬT KẾ TOÁN

1. Đánh giá chung

Việc ban hành Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn trong gần 6 năm qua đã tạo cơ sở pháp lý để kế toán thực hiện vai trò là công cụ quản lý kinh tế quan trọng và chức năng tạo lập hệ thống thông tin về kinh tế - tài chính - ngân sách phục vụ cho việc điều hành và quyết định kinh tế của Nhà nước cũng như của mỗi đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp. Từ đó góp phần thực hiện thành công các giải pháp chủ yếu về chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và các Nghị quyết của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Luật Kế toán 2015 là Luật quy định chi tiết, được kế thừa trên cơ sở Luật Kế toán 2003, có sửa đổi, bổ sung một số nội dung mới nhằm phù hợp với điều kiện thực tế của nền kinh tế, xã hội. Các nội dung được quy định chi tiết bao gồm các quy định chung; công tác kế toán bao gồm chứng từ kế toán, tài khoản kế toán và sổ kế toán, báo cáo tài chính; kiểm tra kế toán; kiểm kê tài sản, bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán; công việc kế toán trong trường hợp đơn vị kế toán chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình hoặc hình thức sở hữu, giải thể, chấm dứt hoạt động, phá sản; tổ chức bộ máy kế toán và người làm kế toán; hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán; quản lý nhà nước về kế toán.

Theo đó, một số nội dung trong Luật Kế toán 2015 đã có những đổi mới khá cơ bản so với Luật Kế toán 2003. Ví dụ, trong nội dung nguyên tắc kế toán đã đề cập đến “giá trị hợp lý” để tạo cơ sở cho việc áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế trong doanh nghiệp; ban hành các chuẩn mực kế toán có liên quan trong lĩnh vực này bao gồm cả các chuẩn mực về công cụ tài chính, hợp đồng bảo hiểm, tài sản cố định và bất động sản đầu tư. Ngoài ra, Luật Kế toán 2015 cũng có quy định về báo cáo tài chính nhà nước và hoạt động kiểm toán nội bộ. Đây là các vấn đề mới đã được Chính phủ hướng dẫn và tổ chức thực hiện tại các đơn vị liên quan trong thời gian qua.

Để triển khai Luật Kế toán, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán về nội dung công tác kế toán, tổ chức bộ máy kế toán và người làm kế toán, hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán, cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới và tổ chức nghề nghiệp về kế toán. Đây là những nội dung cần thiết, được Luật Kế toán giao cho Chính phủ hướng dẫn để đảm bảo đầy đủ căn cứ để tổ chức thực hiện.

Ngoài ra, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 41/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán độc lập quy định về hành vi vi phạm hành chính, thời hiệu xử phạt, hình thức xử phạt, mức xử phạt, các biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền lập biên bản và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán độc lập.

2. Đánh giá việc thực hiện một số quy định cụ thể trong Luật Kế toán

2.1. Về nội dung công tác kế toán

Nội dung công tác kế toán bao gồm các hoạt động tổ chức thu thập thông tin kế toán theo các chứng từ tài liệu kế toán; tổ chức phân loại và ghi nhận trên cơ sở dữ liệu kế toán của đơn vị theo hệ thống tài khoản và sổ kế toán; tổ chức cung cấp thông tin theo các biểu mẫu báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán. Các chế độ kế toán đã quy định đầy đủ về nội dung công tác kế toán áp dụng cho từng loại hình đơn vị trong lĩnh vực kế toán doanh nghiệp và kế toán nhà nước. Theo đó các đơn vị kế toán thực hiện các chế độ kế toán theo quy định, tuân thủ đúng các quy định của Luật Kế toán về chứng từ kế toán, tài khoản kế toán, sổ kế toán và báo cáo tài chính.

Về lĩnh vực kế toán doanh nghiệp, Bộ Tài chính đã ban hành các Thông tư hướng dẫn chế độ kế toán chung cho các đơn vị thuộc các loại hình, quy mô

khác nhau. Các quy định này phù hợp với hệ thống 26 chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Hiện nay, Bộ Tài chính đang triển khai việc dự thảo chế độ kế toán doanh nghiệp, với những nội dung bổ sung, sửa đổi phù hợp với thực tiễn và yêu cầu quản lý.

Về lĩnh vực kế toán nhà nước, các đơn vị kế toán nhà nước thực hiện theo chế độ kế toán quy định phù hợp theo từng lĩnh vực, như chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, chế độ kế toán áp dụng cho ban quản lý dự án đầu tư công, chế độ kế toán NSNN và hoạt động nghiệp vụ KBNN, chế độ kế toán thuế nội địa, chế độ kế toán thu thuế và thu khác hàng hóa xuất, nhập khẩu, chế độ kế toán nợ công, chế độ kế toán bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế,... Các chế độ kế toán này đều hướng dẫn các đơn vị thuộc lĩnh vực kế toán nhà nước lập báo cáo tài chính của đơn vị theo quy định của Luật Kế toán.

2.2. Về công tác kiểm tra kế toán

Luật Kế toán đã quy định cụ thể các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra công tác kế toán, bao quát đầy đủ các đơn vị từ Trung ương đến địa phương. Ngoài ra cũng đã quy định về các nội dung kiểm tra kế toán, thời gian kiểm tra kế toán, quyền và trách nhiệm của đoàn kiểm tra kế toán, quyền và trách nhiệm của đơn vị kế toán được kiểm tra kế toán. Các quy định này là căn cứ để các Bộ, ngành các địa phương tổ chức công tác kiểm tra kế toán phù hợp với tổ chức hoạt động, bộ máy và yêu cầu quản lý của đơn vị mình.

Về lĩnh vực kế toán doanh nghiệp, công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán tại các doanh nghiệp nhằm đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp, phục vụ việc quản lý, giám sát tài chính, đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Việc giám sát còn thông qua các hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính, phân tích, đánh giá, xếp loại doanh nghiệp, thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện cơ chế, chính sách tài chính doanh nghiệp, công bố công khai thông tin về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính doanh nghiệp... được duy trì hiệu quả. Các yêu cầu về kiểm tra, giám sát thực thi pháp luật, chế độ kế toán và kiểm tra kế toán được thực hiện theo quy định của Luật Kế toán, Nghị định số 174/2016/NĐ-CP về hướng dẫn Luật Kế toán và các thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính. Các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kế toán như cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước,... trực tiếp thực hiện các công việc kiểm tra, giám sát việc thực thi các quy định của pháp luật về kế toán.

Về lĩnh vực kế toán nhà nước, các yêu cầu về kiểm tra, giám sát thực thi pháp luật, chế độ kế toán và kiểm tra kế toán được thực hiện theo quy định của

Luật Kế toán, Nghị định số 174/2016/NĐ-CP, các chế độ kế toán mà đơn vị là đối tượng áp dụng. Hiện nay, việc giám sát thực thi các quy định của pháp luật về kế toán tại các đơn vị kế toán nhà nước do các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kế toán như cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước,... trực tiếp thực hiện. Ngoài ra, các đơn vị sử dụng NSNN còn tổ chức thực hiện công tác tự kiểm tra theo hướng dẫn tại Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13/8/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế về tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước.

2.3. Về kiểm kê tài sản, bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán

Luật Kế toán đã quy định các trường hợp phải kiểm kê tài sản, các nội dung chính của việc bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán trong đó có thời hạn lưu trữ tài liệu, trách nhiệm của đơn vị kế toán trong trường hợp tài liệu kế toán bị mất hoặc bị hủy hoại.

Các nội dung cụ thể về bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán được quy định trong Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán, làm căn cứ cho các đơn vị tổ chức thực hiện đối với tài liệu trên giấy và tài liệu dưới hình thức dữ liệu điện tử.

2.4. Về công việc kế toán trong trường hợp đơn vị kế toán chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình hoặc hình thức sở hữu, giải thể, chấm dứt hoạt động, phá sản

Luật Kế toán đã quy định rõ nội dung công việc trong các trường hợp cụ thể, làm cơ sở cho các đơn vị tổ chức thực hiện khi phát sinh các hoạt động. Khi phát sinh các trường hợp trong thực tế, các đơn vị căn cứ quy định của Luật Kế toán đã tổ chức thực hiện các công việc kế toán, thực hiện các phương án tài chính, hoàn tất các tài liệu có liên quan để thực hiện kết thúc hoạt động tại các đơn vị cũ và tổ chức hoạt động tại các đơn vị mới theo quy định của pháp luật.

2.5. Về tổ chức bộ máy kế toán và người làm kế toán

Luật Kế toán đã quy định rõ đơn vị kế toán phải tổ chức bộ máy kế toán, bố trí người làm kế toán hoặc thuê dịch vụ làm kế toán; việc tổ chức bộ máy, bố trí người làm kế toán, kế toán trưởng, phụ trách kế toán hoặc thuê dịch vụ làm kế toán, kế toán trưởng thực hiện theo quy định của Chính phủ. Đối với người đại diện theo pháp luật, Luật cũng quy định trách nhiệm tổ chức bộ máy kế toán, bố trí người làm kế toán hoặc quyết định thuê doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán, hộ kinh doanh dịch vụ kế toán theo đúng quy định của Luật Kế toán. Căn cứ các quy định này, các đơn vị kế toán đều phải tổ chức bộ máy kế toán,

bổ trí người đứng đầu bộ máy kế toán theo đúng tiêu chuẩn, điều kiện được quy định trong Luật Kế toán.

Ngoài ra Luật cũng quy định đơn vị kế toán được ký hợp đồng với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán hoặc hộ kinh doanh dịch vụ kế toán để thuê dịch vụ làm kế toán hoặc dịch vụ làm kế toán trưởng theo quy định của pháp luật.

2.6. Về hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán

Luật Kế toán 2015 đã thể hiện các nội dung về dịch vụ kế toán trong điều kiện hội nhập. Với mục tiêu hội nhập kinh tế nói chung và lĩnh vực kế toán nói riêng, quy định của Luật về cơ bản được quy định tương đối đầy đủ, rõ ràng, đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành và phát triển các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kế toán. Với việc triển khai Luật Kế toán, thị trường dịch vụ kế toán Việt Nam đã đạt những kết quả đáng ghi nhận, từng bước đáp ứng yêu cầu thực tiễn của nền kinh tế xã hội.

Tuy nhiên, có thể đánh giá số lượng doanh nghiệp dịch vụ kế toán đăng ký hoạt động kinh doanh do mới bắt đầu thực hiện nên còn hạn chế, quy mô còn khá nhỏ. Mặc dù doanh nghiệp thành lập mới tăng qua từng năm², tuy nhiên về số lượng khách hàng mới chỉ đạt con số 10.970 khách hàng trong năm 2020, tăng 48% so với năm 2019.

2.7. Về hoạt động quản lý nhà nước

Luật Kế toán quy định Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về kế toán. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về kế toán, có các nhiệm vụ, quyền hạn về xây dựng trình Chính phủ quyết định chiến lược, chính sách phát triển kế toán; xây dựng, trình Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật về kế toán; cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán và Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán; đình chỉ hành nghề dịch vụ kế toán và đình chỉ kinh doanh dịch vụ kế toán; quy định việc thi, cấp, thu hồi và quản lý chứng chỉ kế toán viên; kiểm tra kế toán; kiểm tra hoạt động dịch vụ kế toán; giám sát việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán; quy định việc cập nhật kiến thức cho kế toán viên hành nghề; tổ chức và quản lý công tác nghiên cứu khoa học về kế toán và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt

² Năm 2018 có 91 doanh nghiệp tăng 12,8% so với năm 2017; năm 2019 có 118 doanh nghiệp tăng 30% so với năm 2018; năm 2020 có 148 doanh nghiệp tăng 25,4% so với năm 2019; năm 2021 có 153 doanh nghiệp, tăng 3% so với năm 2020.

động kế toán; thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về kế toán;

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính thực hiện quản lý nhà nước về kế toán trong ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm quản lý nhà nước về kế toán tại địa phương.

Với các quy định nêu trên, việc phối hợp thực hiện giữa Bộ Tài chính và các đơn vị liên quan chưa thực sự hiệu quả, thường xuyên, liên tục. Vì vậy, cần nghiên cứu giải pháp để làm tốt hơn nữa công tác phối hợp của các Bộ, cơ quan ngang Bộ với Bộ Tài chính phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn của từng đơn vị theo quy định của pháp luật.

2.8. Về hệ thống chuẩn mực kế toán

a) Về chuẩn mực kế toán doanh nghiệp, trong khoảng thời gian từ năm 2000 đến 2005, Bộ Tài chính đã ban hành 26 chuẩn mực kế toán doanh nghiệp. Hệ thống 26 chuẩn mực kế toán và các chế độ kế toán có phạm vi áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, thành phần kinh tế hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam, đã đóng góp đáng kể vào việc quản trị, điều hành của các doanh nghiệp, phản ánh được nhiều giao dịch của nền kinh tế thị trường, phù hợp với yêu cầu quản lý của Nhà nước trong giai đoạn cải cách và hội nhập kinh tế thế giới.

Tuy nhiên trong giai đoạn 2011 - 2020, các chuẩn mực này chưa được cập nhật và ban hành đầy đủ so với chuẩn mực quốc tế. Vì vậy, trước các yêu cầu của nền kinh tế xã hội, hội nhập kinh tế và sự phát triển của công nghệ thông tin, ngày 16/3/2020, được sự đồng ý của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 345/QĐ-BTC phê duyệt Đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính tại Việt Nam, bao gồm 2 mục tiêu sau:

- Xây dựng phương án, lộ trình và công bố, hỗ trợ áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) tại Việt Nam cho từng nhóm đối tượng cụ thể được xác định, phù hợp với thông lệ quốc tế nhằm mục đích nâng cao tính minh bạch, trung thực của báo cáo tài chính, nâng cao trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp đối với người sử dụng báo cáo tài chính.

- Ban hành mới và tổ chức thực hiện hệ thống chuẩn mực báo cáo tài chính Việt Nam (VFRS) theo nguyên tắc tiếp thu tối đa thông lệ quốc tế, phù

hợp với đặc thù của nền kinh tế Việt Nam và nhu cầu của doanh nghiệp, đảm bảo tính khả thi trong quá trình thực hiện.

b) Về chuẩn mực kế toán công, ngày 31/7/2019, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 1299/QĐ-BTC phê duyệt Đề án xây dựng và công bố chuẩn mực kế toán công tại Việt Nam, bao gồm các mục tiêu sau:

- Nghiên cứu, xây dựng, ban hành và công bố hệ thống chuẩn mực kế toán công Việt Nam (VPSAS) trên cơ sở Chuẩn mực kế toán công quốc tế. Hệ thống chuẩn mực kế toán công Việt Nam áp dụng cho các đơn vị kế toán trong lĩnh vực công phải đảm bảo các yêu cầu hội nhập kinh tế của đất nước; đồng bộ với cải cách, đổi mới chính sách quản lý kinh tế, chính sách quản lý tài chính công của Việt Nam; là cơ sở để cung cấp thông tin tài chính kịp thời, trung thực nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả, tính công khai minh bạch trong quản lý các nguồn lực của Chính phủ.

- Việc nghiên cứu, xây dựng và công bố hệ thống chuẩn mực kế toán công Việt Nam gắn với việc triển khai đề án xây dựng mô hình lập báo cáo tài chính nhà nước; làm cơ sở, nền tảng cho hệ thống cơ chế, chính sách tài chính Nhà nước với hệ thống văn bản pháp luật liên quan như Luật NSNN; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Quản lý nợ công; Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; Luật Chứng khoán... đã và đang được cải cách phù hợp chuẩn mực, thông lệ quốc tế.

- Hệ thống chuẩn mực kế toán công Việt Nam là căn cứ ban hành hệ thống chế độ kế toán hướng dẫn cụ thể phù hợp với từng loại hình đơn vị, đặc điểm tổ chức hoạt động trong môi quan hệ phù hợp với các cơ chế chính sách về tài chính công và ngân sách nhà nước.

Theo lộ trình của Đề án công bố chuẩn mực kế toán công Việt Nam, từ năm 2020 đến năm 2024 sẽ ban hành và công bố 21 chuẩn mực kế toán công Việt Nam. Thực hiện kế hoạch của Đề án, đến tháng 7/2022 Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định công bố 11 chuẩn mực kế toán công Việt Nam.

2.9. Về báo cáo tài chính nhà nước

Triển khai Luật Kế toán, Bộ Tài chính đã xây dựng Nghị định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn lập báo cáo tài chính nhà nước trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức kinh tế và các đơn vị có liên quan khác thuộc khu vực nhà nước từ năm tài chính 2018. Báo cáo này dùng để tổng hợp và thuyết minh về tình hình tài chính nhà

nước, kết quả hoạt động tài chính nhà nước và lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính nhà nước trên phạm vi toàn quốc và từng địa phương.

Về cơ bản, báo cáo tài chính nhà nước đã cung cấp thông tin về tình hình thu, chi ngân sách nhà nước, các quỹ tài chính nhà nước, nợ công, vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tài sản, nguồn vốn và sử dụng nguồn vốn của Nhà nước. Tuy nhiên cũng cần hoàn thiện thông tin của báo cáo tài chính nhà nước theo hướng đầy đủ, chính xác hơn.

2.10. Về kiểm toán nội bộ

Điều 39 Luật Kế toán quy định về kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ, trong đó có giao cho Chính phủ quy định chi tiết về kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp. Thực hiện yêu cầu này, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ quy định về kiểm toán nội bộ tại các Bộ, cơ quan ngang Bộ thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các đơn vị sự nghiệp công lập có quy mô lớn có đủ điều kiện và các doanh nghiệp theo nguyên tắc độc lập về nghiệp vụ, hiệu quả, phù hợp với tổ chức hoạt động của từng đơn vị. Bộ Tài chính cũng đã ban hành các Thông tư hướng dẫn chuẩn mực kiểm toán nội bộ và quy chế mẫu về kiểm toán nội bộ cho các đơn vị.

Các đơn vị thuộc đối tượng quy định cần phải tổ chức bộ phận kiểm toán nội bộ nhằm: Kiểm tra tính phù hợp, hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ; Kiểm tra và xác nhận chất lượng, độ tin cậy của thông tin kinh tế, tài chính của báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị trước khi trình ký duyệt; Kiểm tra việc tuân thủ nguyên tắc hoạt động, quản lý, việc tuân thủ pháp luật, chế độ tài chính, kế toán, chính sách, nghị quyết, quyết định của lãnh đạo đơn vị kế toán; Phát hiện những sơ hở, yếu kém, gian lận trong quản lý, bảo vệ tài sản của đơn vị; đề xuất các giải pháp nhằm cải tiến, hoàn thiện hệ thống quản lý, điều hành hoạt động của đơn vị kế toán.

2.11. Về hoạt động của các tổ chức nghề nghiệp

Hiện nay có 02 tổ chức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán là Hiệp Hội Kế toán và kiểm toán Việt Nam (VAA) và Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA). Hội viên của cả 02 tổ chức nghề nghiệp này là những người làm nghề kế toán và kiểm toán tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức và doanh nghiệp ở Việt Nam, việc tham gia cả 02 hội nghề nghiệp này đều trên cơ sở tự nguyện, không mang tính bắt buộc.

Tổ chức nghề nghiệp là cầu nối quan trọng giữa cơ quan Nhà nước với doanh nghiệp và xã hội; thực hiện chức năng phản biện xã hội, tham gia xây dựng văn bản pháp luật phản ánh các bất cập, vướng mắc trong thực thi pháp luật. Qua hoạt động của các tổ chức nghề nghiệp, chức năng, nhiệm vụ của quản lý Nhà nước và hoạt động quản lý nghề nghiệp cũng đã hình thành và phân biệt rõ nét hơn. Đây là thực tế khách quan, xuất phát từ thông lệ quốc tế và sự cần thiết của công cuộc đổi mới, mở cửa và hội nhập quốc tế đối với lĩnh vực kế toán ở Việt Nam.

Trong những năm gần đây Bộ Tài chính đã thực hiện tăng cường quản lý nhà nước về kế toán trên cơ sở đổi mới cơ chế hoạt động, đồng thời nâng cao chất lượng quản lý nghề nghiệp phù hợp với thông lệ quốc tế. Duy trì sự kết hợp chặt chẽ giữa cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức nghề nghiệp nhằm tăng cường công tác giám sát chất lượng hành nghề kế toán, đảm bảo việc hành nghề thực hiện đúng quy định của pháp luật, nâng cao chất lượng của các đối tượng hành nghề dịch vụ kế toán ngang tầm các quốc gia phát triển trong khu vực và thế giới.

2.12. Về nguồn nhân lực kế toán

Đã đào tạo, xây dựng và phát triển đội ngũ người làm kế toán trong các lĩnh vực kế toán nhà nước, kế toán doanh nghiệp; đội ngũ kiểm toán viên, kế toán viên hành nghề có trình độ chuyên môn, có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp tốt. Đối với nhân lực kế toán trong khu vực nhà nước, ngoài việc đáp ứng các tiêu chí chung trong lĩnh vực kế toán còn phải nắm vững các quy định về cơ chế tài chính đặc thù trong lĩnh vực tài chính công, các quy định về quản lý NSNN trong nước, các nguồn vốn cho vay, viện trợ, đầu tư công,...

Thường xuyên đổi mới phương pháp, chương trình đào tạo về kế toán tại các cơ sở đào tạo; đổi mới quy định và cách thức tổ chức thi kế toán viên. Tổ chức bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ, người làm kế toán; cập nhật kiến thức cho người hành nghề kế toán. Nguồn lực bổ sung hàng năm từ các cơ sở đào tạo, trường đại học, cao đẳng chuyên ngành kế toán có số lượng đông đảo và chất lượng tốt, được đào tạo với chương trình ngày càng gắn với yêu cầu thực tế.

Số lượng người có chứng chỉ kế toán viên cho đến thời điểm tháng 12/2021 là 1.091 người, trong đó có 419 người đang làm việc trong các doanh nghiệp dịch vụ kế toán (chiếm 38% số người có chứng chỉ kế toán viên).

Tất cả các kế toán viên đều có trình độ cử nhân về tài chính, kế toán - kiểm toán, ngân hàng, ... trở lên, có ít nhất 3 năm kinh nghiệm thực tế và được

trải qua kỳ thi cấp quốc gia để được cấp chứng chỉ kế toán viên, kiểm toán viên. Với kinh nghiệm công tác và việc trải qua kỳ thi để được cấp chứng chỉ, các kế toán viên hành nghề đều có kiến thức tổng hợp về pháp luật kinh tế, tài chính doanh nghiệp, chính sách thuế, kế toán - kiểm toán. Khi đăng ký hành nghề kế toán, để đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp, hàng năm kế toán viên phải cập nhật kiến thức theo thời gian quy định hàng năm.

2.13. Về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực kế toán

Sau hơn 20 năm, hội nhập trong lĩnh vực kế toán, Việt Nam đã có những thay đổi cơ bản về các quy định trong khung pháp lý, hướng đến mục tiêu cho phát triển ngành nghề và dịch vụ kế toán - kiểm toán. Trong thực tế triển khai, Việt Nam đã có những quan hệ, hợp tác với các tổ chức kế toán quốc tế và các nước thông qua các hoạt động ký thoả thuận trong các Hiệp định WTO, Hiệp định với khối ASEAN; tham gia Ủy ban điều phối về kế toán viên chuyên nghiệp tiêu chuẩn ASEAN; tham gia làm thành viên của Liên đoàn Kế toán ASEAN (AFA), Châu Á - Thái Bình Dương (CAPA), thế giới (IFAC).

Bộ Tài chính, các tổ chức nghề nghiệp thường xuyên tham gia Hội nghị, hội thảo quốc tế, khu vực về kế toán; tham gia ký thoả thuận thừa nhận lẫn nhau về dịch vụ kế toán ASEAN; tham gia Hội nghị thường niên của Liên hiệp quốc về thương mại và đầu tư (UNTAC) tại Thụy Sĩ; thành viên của Nhóm các nhà ban hành chuẩn mực kế toán Châu Á - Châu Đại Dương (AOSSG).

Duy trì các hoạt động đẩy mạnh phối hợp hoạt động với các tổ chức nghề nghiệp quốc tế hoạt động tại Việt Nam như: ACCA, CPA Úc, ICAEW; Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA)... để hỗ trợ và thúc đẩy hoạt động kế toán phát triển. Tham gia hội nghị nhóm các nền kinh tế mới nổi (EEG).

2.14. Về việc ứng dụng công nghệ thông tin và các hoạt động khác

Tại các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, đã triển khai thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động quản lý và tổ chức thực hiện công tác kế toán, phù với sự phát triển của cuộc cách mạng công nghệ 4.0.

Tại cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị thu, chi ngân sách nhà nước đã thực hiện cải cách hành chính một cách thực chất với các giải pháp cụ thể, thiết thực; triển khai và đưa vào áp dụng các dịch vụ công trực tuyến đối với các thủ tục hành chính trong lĩnh vực kế toán ở cấp độ cao nhất phù hợp với điều kiện cho phép; xây dựng và tổng hợp các thông tin dữ liệu để công khai thông tin về hành nghề kế toán phục vụ nhu cầu của các tổ chức, cá nhân.

Tại các đơn vị, tổ chức, cơ sở đào tạo và tổ chức nghề nghiệp, thực hiện ứng dụng công nghệ trong các hoạt động nghiên cứu, đào tạo; đẩy mạnh quá trình số hóa hướng tới hoạt động chuyển đổi số trong lĩnh vực kế toán phù hợp, hiệu quả.

Phần III

CÁC HẠN CHẾ, BẤT CẬP TRONG TRIỂN KHAI LUẬT KẾ TOÁN

1. Các quy định của Luật Kế toán đã có độ trễ so với thực tế

- Môi trường hoạt động liên quan đến kế toán ở Việt Nam luôn có nhiều biến đổi. Việc mở cửa thị trường, hội nhập quốc tế đòi hỏi các cơ chế chính sách về tài chính, kế toán phải điều chỉnh kịp thời; phù hợp với các thành phần kinh tế, trong đó có các doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, các chi nhánh doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam; các cam kết hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, hoạt động của các doanh nghiệp được mở rộng ra trên phạm vi ngoài nước. Vì vậy, đòi hỏi các quy định về kế toán ngày càng tiệm cận hơn với thông lệ, chuẩn mực quốc tế.

- Phạm vi, đối tượng của hoạt động kế toán rất rộng, bao gồm các đơn vị trong khu vực công, khu vực doanh nghiệp, với quy mô, đặc điểm tổ chức và hoạt động, mức độ sở hữu vốn của nhà nước khác nhau, vì vậy, một số quy định cần phải được bao trùm, đảm bảo hợp lý. Một số trường hợp cần thiết phải có các quy định cụ thể hơn để tránh vướng mắc trong tổ chức thực hiện. Các quy định này có thể được nêu ở các văn bản hướng dẫn Luật, tuy nhiên Luật Kế toán cần có các quy định liên quan một cách phù hợp. Ví dụ, quy định về tổ chức bộ máy kế toán, các chức danh về người làm kế toán, kể cả kế toán trưởng, mối quan hệ giữa người đứng đầu về kế toán với lãnh đạo và các bộ phận liên quan tại đơn vị đã có các vướng mắc phát sinh, cần có các quy định có tính nguyên tắc để thực hiện.

- Ý thức trách nhiệm, ý thức tuân thủ pháp luật của các đơn vị, của thủ trưởng các đơn vị kế toán, những người làm công tác kế toán ở các đơn vị chưa nghiêm, dẫn đến các hành vi không tuân thủ quy định về quản lý tài chính, kế toán, xảy ra các sai phạm cần phải xử lý. Các sai sót có thể phát sinh từ những nguyên nhân chủ quan, khách quan, việc thể hiện trách nhiệm đối với công tác kế toán dẫn đến chất lượng báo cáo tài chính chưa đáp ứng yêu cầu, thậm chí có những sai sót từ các lý do chủ quan của bản thân đơn vị kế toán và người đứng đầu đơn vị kế toán. Một số đơn vị kế toán muốn có BCTC “đẹp” để thực hiện

các mục đích khác nhau. Do đó, không ít đơn vị đã cố tình vi phạm các quy định của chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán khi lập và trình bày BCTC, dẫn đến BCTC không phản ánh đúng tình hình tài chính của đơn vị, với thông tin không trung thực hoặc bị che giấu.

- Khung khổ pháp lý liên quan đến kế toán, thuộc các lĩnh vực khác nhau còn có những khác biệt nhất định, có những điểm chưa đồng bộ do yêu cầu, bản chất của hoạt động quản lý. Các khác biệt về cơ chế chính sách liên quan đến chính sách thuế hoặc các quy định khác dẫn đến việc các đơn vị dường như chỉ quan tâm và tập trung đến việc thực hiện theo chính sách thuế, hoàn tất các thủ tục để thực hiện nghĩa vụ thuế, không quan tâm nhiều đến việc thực hiện theo quy định của kế toán để cung cấp thông tin tài chính của đơn vị theo quy định của Luật Kế toán, chuẩn mực kế toán.

- Cách mạng công nghệ cùng với yêu cầu của quá trình số hóa, nhất là quá trình chuyển đổi số, dẫn đến các quy định về kế toán trong Luật Kế toán hiện hành chưa theo kịp thực tế. Các đơn vị phản ánh vướng mắc trong việc thực hiện ký chứng từ, luân chuyển xử lý chứng từ, lưu trữ tài liệu kế toán, Mặc dù các giao dịch kinh tế trên phương tiện điện tử hiện nay được thực hiện theo quy định của Luật Giao dịch điện tử và các pháp luật chuyên ngành khác, tuy nhiên trong phạm vi Luật kế toán, cũng cần có những quy định để làm rõ hơn, đồng bộ với Luật Giao dịch điện tử và các quy định pháp luật khác có liên quan và phù hợp với quá trình chuyển đổi số.

- Các phần mềm kế toán hiện nay được phát triển khá đa dạng, chất lượng khác nhau, nguyên nhân xuất phát từ kinh nghiệm, khả năng của nhà cung cấp phần mềm kế toán; xuất phát từ khả năng nắm bắt và đưa ra yêu cầu kỹ thuật của đơn vị kế toán đối với nhà cung cấp phần mềm, từ việc hiểu biết và sử dụng các ứng dụng của đội ngũ kế toán viên, nhân viên của các đơn vị kế toán. Thực tế này đòi hỏi có những quy định phù hợp để đảm bảo chất lượng của các phần mềm kế toán, các ứng dụng hệ thống mà đơn vị kế toán sử dụng trong công tác kế toán, công tác quản lý đơn vị.

2. Một số quy định của Luật Kế toán đã bộc lộ bất cập, tồn tại

Mặc dù đã đạt được những kết quả quan trọng nói trên, tuy nhiên Luật Kế toán 2015, hay nói rộng hơn là công tác kế toán ở Việt Nam cũng còn có những khó khăn, hạn chế nhất định, cụ thể là:

- Luật Kế toán quy định tài sản và nợ phải trả được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, đối với một số loại tài sản hoặc nợ phải trả

mà giá trị biến động thường xuyên theo giá thị trường và giá trị của chúng có thể xác định lại một cách đáng tin cậy thì được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại thời điểm cuối kỳ lập báo cáo tài chính. Đây là quy định nhằm phù hợp với thông lệ quốc tế, nhằm phản ánh đầy đủ giá trị của tài sản và nợ phải trả. Tuy nhiên trong thực tế triển khai, còn nhiều các vướng mắc để tổ chức thực hiện, theo đó cần được xác định rõ các điều kiện liên quan để có thể thực hiện được việc ghi nhận theo giá trị hợp lý.

- Về chế độ kế toán, theo Luật Kế toán, Bộ Tài chính là cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về kế toán, theo đó có quyền hạn ban hành các Thông tư, văn bản hướng dẫn với tư cách là cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành hướng dẫn. Tuy nhiên trên thực tế hệ thống tổ chức tín dụng vẫn áp dụng theo chế độ kế toán riêng, với các nội dung chưa được kịp thời cập nhật. Xét về bản chất hoạt động của các tổ chức tín dụng cũng là doanh nghiệp với mục đích kinh doanh trên lĩnh vực tiền tệ, tín dụng, có thể xếp vào khu vực kế toán doanh nghiệp, tuy nhiên cũng có những đặc thù riêng do đặc điểm hoạt động của tổ chức này. Việc thống nhất chế độ kế toán là hết sức cần thiết, bao gồm các nội dung như chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán, sổ kế toán và báo cáo tài chính. Vì vậy, nội dung này cần được nghiên cứu, xem xét để có quy định thống nhất, phù hợp.

- Một số quy định về nội dung công tác kế toán, từ khâu chứng từ, tài khoản, sổ kế toán, báo cáo tài chính, báo cáo quản trị cần được rà soát, đánh giá để quy định phù hợp. Ví dụ đối với quy định về báo cáo tài chính, các quy định nội dung, hình thức và thời hạn công khai báo cáo tài chính còn dẫn đến cách hiểu khác nhau trong quá trình thực hiện, dẫn đến một số trường hợp không thực hiện; các đối tượng có nhu cầu thông tin cũng hiểu khác nhau trong việc tiếp cận thông tin công khai về báo cáo tài chính.

- Quá trình số hóa và chuyển đổi số, hiện đại hóa công nghệ thông tin trong lĩnh vực kế toán không chỉ đòi hỏi việc ứng dụng tại các đơn vị kế toán, mà còn phải sửa đổi, bổ sung các quy định pháp lý về kế toán phù hợp với môi trường điện tử. Ví dụ quy định về chữ ký, quy định về ghi chép kế toán, về việc in, lưu giữ chứng từ điện tử, in và lưu giữ sổ kế toán cần đảm bảo phù hợp, nhằm tiết kiệm tránh lãng phí trong khâu in, ấn nhưng phải hiệu quả, an toàn.

- Các quy định về đơn vị kế toán, tổ chức bộ máy kế toán, tiêu chuẩn điều kiện của người làm kế toán, tiêu chuẩn điều kiện của kế toán trưởng đã phát sinh vướng mắc trong thực tế. Ví dụ đối với các đơn vị kế toán nhà nước, việc bố trí bộ phận kế toán riêng, hoặc trực thuộc các phòng/ban, việc tổ chức đơn vị kế

toán phụ thuộc, đơn vị kế toán báo số,... luôn gặp các vướng mắc về chức năng, nhiệm vụ, về nguyên tắc bất kiêm nhiệm, về việc ủy quyền thực hiện công việc kế toán.

- Luật Kế toán 2015 đã quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán và phương thức tổ chức nhằm phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ. Tuy nhiên, trên thực tế vẫn còn những tồn tại trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp dịch vụ, trong đăng ký kinh doanh và hành nghề dịch vụ kế toán. Vì vậy, thị trường dịch vụ mặc dù đã phát triển những chưa đúng theo kỳ vọng và yêu cầu của thực tế. Bên cạnh đó các quy định về trách nhiệm của đơn vị cung cấp dịch vụ và được cung cấp dịch vụ cũng cần được làm rõ hơn, nhất là các đơn vị khách hàng phát triển cả về quy mô và số lượng. Ngoài ra, các quy định liên quan đến nội dung này ở các văn bản pháp luật khác cũng dẫn đến việc không thống nhất trong công tác thực hiện.

- Về tổ chức nghề nghiệp về kế toán đã được quy định rõ trong Luật Kế toán. Theo đó, tổ chức nghề nghiệp về kế toán được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật về Hội và có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật về kế toán. Tổ chức nghề nghiệp về kế toán được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho người làm kế toán, kế toán viên hành nghề và thực hiện một số nhiệm vụ liên quan đến hoạt động kế toán do Chính phủ quy định. Tuy nhiên tổ chức nghề nghiệp chưa phát triển thành tổ chức tự quản, hoạt động nghề nghiệp kế toán như ở các nước trên thế giới, thể hiện vai trò quan trọng, và phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước trong việc xây dựng chuẩn mực kế toán và tham gia giám sát chất lượng dịch vụ kế toán của các kế toán viên hành nghề.

- Về chất lượng công tác kế toán cũng là một nội dung cần quan tâm. Trong thời gian qua, nhất là trước khi Luật Kế toán được ban hành và các chế độ, chuẩn mực kế toán được hướng dẫn, chất lượng công tác kế toán đã được coi trọng, người đại diện pháp luật của đơn vị kế toán đã quan tâm đến công tác tổ chức kế toán, kế toán nghiệp vụ, kế toán thống kê, kế toán tài chính; tuy nhiên chất lượng kế toán còn chưa đáp ứng yêu cầu quản lý và đòi hỏi của xã hội, các biểu hiện hạch toán kế toán không trung thực, gian lận đã xảy ra và cơ quan pháp luật xử lý; báo cáo tài chính chưa kịp thời và độ tin cậy chưa cao. Nguyên nhân tồn tại nêu trên xuất phát từ tính tuân thủ pháp luật, cần được hướng dẫn đầy đủ và có chế tài xử lý nghiêm khi có vi phạm.

3. Các quy định pháp luật có liên quan có thay đổi

- Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 13 tháng 6 năm 2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 quy định

về áp dụng hoá đơn, chứng từ điện tử. Nội dung cơ bản là quy định các doanh nghiệp phải sử dụng hoá đơn điện tử trong giao dịch bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ để góp phần khắc phục những gian lận trong việc sử dụng hoá đơn giấy, giảm chi phí cho người nộp thuế, nâng cao tính cạnh tranh của toàn nền kinh tế, xây dựng cơ sở dữ liệu về hoá đơn, phục vụ xây dựng quản lý thuế điện tử. Quy định về nguyên tắc lập, quản lý và sử dụng hoá đơn; áp dụng hoá đơn khi bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ; cơ sở dữ liệu về hoá đơn điện tử, chứng từ điện tử...

Các quy định nêu trên có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2022; theo đó khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân áp dụng quy định về hóa đơn, chứng từ điện tử của Luật này trước ngày 01 tháng 7 năm 2022. Căn cứ quy định của Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 và các văn bản quy phạm pháp luật của liên quan (Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Kế toán, Luật Giao dịch điện tử, Luật Công nghệ thông tin), Chính phủ đã ban hành Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về hoá đơn, chứng từ; Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 78/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ. Theo đó, đã tạo đầy đủ cơ sở pháp lý cho việc triển khai hoá đơn, chứng từ điện tử trên toàn quốc, đảm bảo đến ngày 01/7/2022 áp dụng hoá đơn điện tử được triển khai trên phạm vi cả nước.

- Luật Quản lý thuế có những nội dung chưa đồng bộ với Luật Kế toán về việc ký trên báo cáo tài chính. Theo Luật Kế toán, người lập, kế toán trưởng và người đại diện pháp luật phải ký tên trên BCTC của doanh nghiệp. Tuy nhiên, BCTC của doanh nghiệp khi nộp cho cơ quan thuế trên hệ thống kê khai chỉ bắt buộc người đại diện pháp luật ký số, không bắt buộc kế toán/kế toán trưởng phải ký trên BCTC. Điều này dẫn đến sự chưa thống nhất giữa Luật Kế toán và Luật Quản lý thuế đối với việc ký BCTC của doanh nghiệp.

- Luật Quản lý thuế quy định về điều kiện cung cấp dịch vụ kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ, theo đó Điều 150 được bổ sung Điều 70a Luật Kế toán quy định tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế được cung cấp dịch vụ kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ khi có ít nhất 1 người có chứng chỉ kế toán viên. Trong khi đó Luật Kế toán yêu cầu doanh nghiệp dịch vụ kế toán phải có ít nhất 02 kế toán viên hành nghề với tỷ lệ góp vốn phải chiếm ít nhất 50% vốn điều lệ, vốn của tổ chức phải chiếm tối đa là 35% và phải được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán thì mới được cung cấp dịch vụ kế toán, trong quá trình cung cấp dịch vụ kế toán phải chịu sự kiểm tra hoạt động

dịch vụ kế toán của BTC về đăng ký hành nghề, về hồ sơ cung cấp dịch vụ, về các nghĩa vụ thông báo và báo cáo,... Ngoài ra, 02 kế toán viên hành nghề là người được cấp giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kế toán kèm theo các thủ tục và điều kiện chặt chẽ. Tuy nhiên, đối với đại lý thuế chỉ cần có 1 người có chứng chỉ kế toán viên, không cần đăng ký để được cấp giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán như kế toán viên hành nghề trong doanh nghiệp dịch vụ kế toán, không phải nộp phí cấp giấy chứng nhận, không phải tuân thủ các quy định về nghĩa vụ thông báo và báo cáo, cơ quan thuế ở các địa phương sẽ kiểm tra các đại lý thuế như khi kiểm tra người nộp thuế,....

Các vướng mắc nêu trên cần được nghiên cứu để đảm bảo quy định thống nhất, đồng bộ về giấy phép hành nghề, kinh doanh dịch vụ kế toán theo hướng đảm bảo sự tương đồng về yêu cầu, thủ tục, nghĩa vụ... của đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.

Phần IV

CÁC ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

1. Quan điểm, mục tiêu

1.1. Quan điểm

- Xác định kế toán là công cụ quản lý quan trọng trong giai đoạn phát triển mới của kinh tế - xã hội đất nước. Từ đó, cần tạo lập đầy đủ và nâng cao chất lượng thông tin kế toán, để kế toán thực sự là công cụ quản lý kinh tế quan trọng trong việc tạo lập hệ thống thông tin phục vụ cho việc điều hành và quyết định kinh tế của Nhà nước cũng như của mỗi doanh nghiệp, đơn vị, tổ chức.

- Cần xác định rõ các mục tiêu trong ngắn hạn và dài hạn, thiết lập một cách có hệ thống các giải pháp đồng bộ nhằm tiếp tục hoàn thiện khung khổ pháp lý về kế toán, áp dụng hệ thống chuẩn mực, phương pháp nghiệp vụ phù hợp với thông lệ quốc tế với lộ trình phù hợp; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động kế toán đảm bảo tính tuân thủ pháp luật về kế toán; nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; phát triển và nâng cao vị thế của các tổ chức nghề nghiệp; ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và tổ chức thực hiện quy định pháp luật về kế toán.

- Cần quan tâm đến việc tăng cường, nâng cao vai trò và năng lực của các cơ quan lý nhà nước, của các tổ chức nghề nghiệp trong việc hoạch định khung

khô pháp lý, tổ chức triển khai thực hiện và kiểm tra, giám sát tính tuân thủ pháp luật về kế toán.

- Phát triển các hoạt động hội nhập quốc tế, với việc thực hiện theo thông lệ quốc tế nâng cao chất lượng thông tin kế toán, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và đáp ứng các yêu cầu của hội nhập quốc tế.

- Cần nhận thức sự phát triển, cải tiến của quy trình, kỹ thuật kế toán cần phù hợp với việc ứng dụng công nghệ thông tin, phù hợp với quá trình chuyển đổi số và trình độ chuyên môn và kỹ năng của nguồn nhân lực tại các đơn vị, tổ chức. Theo đó cần có các giải pháp phù hợp, thích ứng với quá trình chuyển đổi số, gắn với các hoạt động số hóa để cải cách quy trình, cải cách các thủ tục hành chính có liên quan hướng đến mục tiêu tài chính số.

1.2. Mục tiêu

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật về kế toán một cách đầy đủ, toàn diện và đồng bộ, phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện của Việt Nam, nhằm tăng cường vai trò, trách nhiệm của các doanh nghiệp, đơn vị tổ chức, cá nhân trong việc nâng cao chất lượng hoạt động, cung cấp thông tin kế toán phục vụ cho quản lý, điều hành, ra quyết định và xác định nghĩa vụ của các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức.

- Xây dựng khung pháp lý để áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) cập nhật hệ thống chuẩn mực báo cáo tài chính của Việt Nam (VFRS) trên cơ sở thông lệ quốc tế phù hợp với nền kinh tế thị trường của Việt Nam; đảm bảo tính so sánh được của thông tin kinh tế, tài chính của các doanh nghiệp, tổ chức trong nền kinh tế; phục vụ việc thu hút vốn các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Công bố hệ thống chuẩn mực kế toán công Việt Nam trên cơ sở chuẩn mực kế toán công quốc tế, triển khai áp dụng phù hợp với pháp luật của Việt Nam.

- Xây dựng cơ chế phù hợp với đặc thù của lĩnh vực hoạt động nhằm:

+ Tăng cường năng lực hoạt động của cơ quan quản lý, giám sát về kế toán. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, giám sát hoạt động kế toán tại các doanh nghiệp, đơn vị kế toán và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kế toán.

+ Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát và có chế tài xử lý phù hợp, đảm bảo việc tuân thủ pháp luật của các đơn vị kế toán và các đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán nhằm nâng cao chất lượng báo cáo tài chính và dịch vụ kế toán.

- Phát triển thị trường, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ kế toán; thực hiện tái cơ cấu lượng cầu và nguồn cung dịch vụ kế toán

phù hợp với quy định pháp luật và nhu cầu của nền kinh tế - xã hội. Nâng cao chất lượng, số lượng đội ngũ chuyên gia, người hành nghề kế toán để cung cấp dịch vụ có chất lượng cao; Triển khai và mở rộng các hoạt động cung cấp dịch vụ kế toán đối với thị trường ngoài nước.

- Phát triển nguồn nhân lực kế toán về số lượng và chất lượng đáp ứng yêu cầu thực tế; Đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực, kết hợp lý luận và thực tiễn, gắn liền với quy trình số hóa và chuyển đổi số về kế toán. Đổi mới quy trình, phương thức cấp chứng chỉ nghề nghiệp, chứng chỉ hành nghề phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện của Việt Nam. Có giải pháp hỗ trợ để nâng cao trình độ và hoạt động nghiệp vụ của đội ngũ kế toán làm việc trong các doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ.

- Phát huy vai trò, thống nhất và tăng cường năng lực hoạt động của tổ chức nghề nghiệp về kế toán, trong việc xây dựng văn bản pháp luật; đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ; phối hợp kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của chuẩn mực nghề nghiệp.

- Phát triển sâu rộng hoạt động hội nhập quốc tế, mở rộng hợp tác với các tổ chức quốc tế về kế toán; học tập kinh nghiệm để phát triển hệ thống kế toán Việt Nam; nâng cao vị thế và hiệu quả hoạt động của kế toán Việt Nam trên thế giới và khu vực.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với quá trình chuyển đổi số trong việc xây dựng khung khổ pháp lý và tổ chức triển khai thực hiện tại các đơn vị; xây dựng cơ sở dữ liệu liên quan đến kế toán phục vụ hoạt động của các đơn vị và hoạt động quản lý, giám sát kế toán.

2. Đề xuất các nội dung cụ thể cần điều chỉnh trong Luật Kế toán

2.1. rà soát các quy định để phù hợp với quá trình số hóa và chuyển đổi số trong kế toán

Các quy định hiện nay về chứng từ, sổ kế toán, báo cáo tài chính và các tài liệu kế toán khác được chủ yếu hướng theo quy định trên giấy, đồng thời quy định thêm cho các trường hợp giao dịch điện tử. Vì vậy, các quy định về chứng từ kế toán điện tử, lập và lưu trữ chứng từ kế toán, ký chứng từ kế toán cần được quy định chủ yếu trên phương diện điện tử. Các trường hợp thực hiện trên giấy được quy định theo hướng quy định thêm do phát sinh ít và có xu hướng tiếp tục giảm cùng với việc chuyển đổi số. Mục tiêu cần đạt được là giúp các đơn vị có cơ sở thực hiện, xử lý và lưu giữ thông tin trên các ứng dụng, hạn chế việc in ấn,

chuyển đổi chứng từ, tài liệu kế toán sang chứng từ, tài liệu trên giấy gây lãng phí.

Các quy định về chứng từ kế toán, sổ kế toán được xây dựng quy định đối với hoạt động kế toán ghi chép thủ công, trên giấy. Ví dụ quy định khi viết chứng từ phải dùng bút mực, số và chữ viết phải liên tục, không ngắt quãng, chỗ trống phải gạch chéo, chứng từ phải lập đủ số liên theo quy định; ký chứng từ bằng mực không phai, chữ ký trên chứng từ của 1 người phải thống nhất, đóng dấu giáp lai sổ kế toán, sổ kế toán phải được ghi bằng bút mực; không ghi xen thêm vào phía trên hoặc phía dưới; không ghi chồng lên nhau; không ghi cách dòng; trường hợp ghi không hết trang phải gạch chéo phần không ghi; khi ghi hết trang phải cộng số liệu tổng cộng của trang và chuyển số liệu tổng cộng sang trang kế tiếp.... Các quy định về kế toán trên máy, dữ liệu điện tử chỉ được quy định bổ sung thêm, nên không được đầy đủ, toàn diện.

Về thời hạn lưu trữ, Luật Kế toán (Điều 41) quy định về bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán³. Trên thực tế có những tài liệu kế toán được quy định có thời hạn lưu trữ là 5 năm, 10 năm, tuy nhiên những tài liệu này là căn cứ để lập cũng như liên quan đến tài liệu kế toán lưu trữ vĩnh viễn. Vì vậy quy định như trên sẽ gây khó khăn trong việc xác định việc tiêu hủy các tài liệu kế toán có thời hạn lưu trữ khác nhau trong cùng một bộ hồ sơ. Vấn đề này còn khó khăn hơn khi thực hiện lưu trữ trên máy, khi các dữ liệu có mối quan hệ liên kết với nhau, tạo thành cơ sở dữ liệu, việc tiêu hủy tài liệu kế toán sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ dữ liệu của đơn vị.

Để đáp ứng yêu cầu số hóa và chuyển đổi số, một số quy định trong Luật Kế toán cần được nghiên cứu, chỉnh sửa như sau:

- Rà soát các quy định về chứng từ kế toán, sổ kế toán, sửa chữa sai sót kế toán không phù hợp với thực tế ứng dụng công nghệ thông tin hiện nay, cần phải được sửa đổi cho phù hợp.

- Rà soát các quy định về chữ ký trên chứng từ kế toán (ký tất cả các liên chứng từ bằng bút mực xanh), tài liệu kế toán và các nội dung khác liên quan, để có sửa đổi phù hợp với việc tạo lập, luân chuyển, xử lý và lưu trữ bằng phương tiện điện tử, icloud...

- Rà soát các quy định liên quan đến giao dịch kinh tế trên môi trường điện tử, thực tế ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong việc giao dịch

³ Tại Khoản 1, 2, 3 quy định tài liệu kế toán phải được lưu trữ trong thời hạn 5 năm, 10 năm và lưu trữ vĩnh viễn.

kinh tế, thực tế của việc thực hiện các quy định về giao dịch điện tử. Các nội dung này cần phù hợp, đồng bộ với việc triển khai hóa đơn điện tử trên phạm vi toàn quốc.

2.2. Về chuẩn mực kế toán doanh nghiệp

Luật Kế toán 2015 (Điều 7) giao cho Bộ Tài chính quy định chuẩn mực kế toán, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán trên cơ sở chuẩn mực quốc tế về kế toán phù hợp với điều kiện của Việt Nam. Trên thực tế, Bộ Tài chính đã ban hành 26 chuẩn mực kế toán doanh nghiệp, cùng với các chế độ kế toán áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, thành phần kinh tế hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam. Tuy nhiên trong giai đoạn 2011 - 2020, các chuẩn mực này chưa được cập nhật và ban hành đầy đủ. Vì vậy, trước các yêu cầu của nền kinh tế xã hội, hội nhập kinh tế và sự phát triển của công nghệ thông tin, sau khi báo cáo Thủ tướng Chính phủ, ngày 16/3/2020 Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 345/QĐ-BTC phê duyệt Đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Phương án triển khai chuẩn mực kế toán là dài hạn, vì vậy Luật Kế toán có thể cần có quy định rõ hơn về việc cho phép các doanh nghiệp tại Việt Nam có thể được áp dụng chuẩn mực BCTC quốc tế theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. Ngoài ra có thể xem xét việc thành lập ủy ban chuẩn mực kế toán trực thuộc Bộ Tài chính, xác định rõ thẩm quyền cho ủy ban này theo hướng thành viên do Bộ Tài chính bổ nhiệm nhưng có quyền ra quyết định độc lập về chuyên môn, hoạt động và ra quyết định trên cơ chế tập thể....

2.3. Về đơn vị tiền tệ trong kế toán

Luật Kế toán (Điều 10) quy định “Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam, ký hiệu quốc gia là “đ”, ký hiệu quốc tế là “VND”. Trong trường hợp nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh bằng ngoại tệ, thì đơn vị kế toán phải ghi theo nguyên tệ và Đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái thực tế, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; đối với loại ngoại tệ không có tỷ giá hối đoái với Đồng Việt Nam thì phải quy đổi thông qua một loại ngoại tệ có tỷ giá hối đoái với Đồng Việt Nam. Đơn vị kế toán chủ yếu thu, chi bằng một loại ngoại tệ thì được tự lựa chọn loại ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ để kế toán, chịu trách nhiệm trước pháp luật và thông báo cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp. Khi lập báo cáo tài chính sử dụng tại Việt Nam, đơn vị kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái thực tế, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.

Trên thực tế, đã có phát sinh vướng mắc khi thực hiện các quy định nêu trên, vì trên thực tế trong trường hợp doanh nghiệp có đồng tiền chức năng khác với VND thì đơn vị phải sử dụng đồng tiền chức năng theo chuẩn mực kế toán. Việc quy định đơn vị có thể lựa chọn đơn vị kế toán là VND như trong Luật Kế toán hiện nay không phù hợp với chuẩn mực kế toán, trên thực tế đã gây khó khăn cho các đơn vị, doanh nghiệp. Vì vậy, cần nghiên cứu và quy định rõ về đơn vị tiền tệ chức năng và về đơn vị tiền tệ báo cáo.

2.4. Về chữ số sử dụng trong kế toán

Luật Kế toán (Điều 11) quy định sau chữ số hàng nghìn, hàng triệu, hàng tỷ phải đặt dấu chấm (.); khi còn ghi chữ số sau chữ số hàng đơn vị thì sau chữ số hàng đơn vị phải đặt dấu phẩy (,). Quy định này chưa phù hợp với thực tế ứng dụng công nghệ thông tin hiện nay, phát sinh ngay tại môi trường sản xuất của các hệ thống ứng dụng, gây khó khăn cho công tác kế toán, nhất là đối với các đơn vị ứng dụng phần mềm kế toán do nước ngoài cung cấp. Trường hợp này, các đơn vị phải thiết lập tùy chỉnh lại hệ thống, làm tăng thêm chi phí, nhưng lại làm giảm hiệu năng của hệ thống do phải chuyển đổi theo quy định của Việt Nam.

Vì vậy, nội dung này cần nghiên cứu các quy định phù hợp, đáp ứng yêu cầu số hóa và chuyển đổi số trong lĩnh vực kế toán. Theo đó nên có quy định linh hoạt phù hợp với thông lệ quốc tế, tuy nhiên cần lưu ý nội dung quy định chuyển tiếp trong tổ chức thực hiện.

2.5. Về dịch chứng từ, tài liệu kế toán

Luật Kế toán (Điều 11) quy định chữ viết sử dụng trong kế toán là tiếng Việt. Trường hợp phải sử dụng tiếng nước ngoài trên chứng từ kế toán, sổ kế toán và báo cáo tài chính tại Việt Nam thì phải sử dụng đồng thời tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trên thực tế việc dịch chứng từ kế toán, sổ kế toán và báo cáo tài chính quy định nêu trên là một vấn đề khó khăn cho hoạt động của doanh nghiệp trong quá trình thực hiện kể cả liên quan đến lưu trữ tài liệu kế toán.

Vấn đề này cần nghiên cứu quy định rõ hơn, cụ thể theo hướng chỉ quy định dịch liên chứng từ phục vụ trực tiếp ghi sổ kế toán hoặc liên quan trực tiếp đến thanh toán, như “Hóa đơn” hoặc các chứng từ liên quan khác.

2.6. Về kỳ kế toán kéo dài

Luật Kế toán (Điều 12) quy định trường hợp kỳ kế toán năm đầu tiên hoặc kỳ kế toán năm cuối cùng có thời gian ngắn hơn 90 ngày thì được phép cộng với kỳ kế toán năm tiếp theo hoặc cộng với kỳ kế toán năm trước đó để tính thành

một kỳ kế toán năm; kỳ kế toán năm đầu tiên hoặc kỳ kế toán năm cuối cùng phải ngắn hơn 15 tháng. Trong trường hợp này, việc sử dụng không thống nhất đơn vị tính ngày và tháng dẫn đến trên thực tế phát sinh vướng mắc vì 03 tháng liên tục có thể là 90 ngày hoặc nhiều hơn 90 ngày. Nếu đơn vị áp dụng 03 tháng tròn thì tổng số ngày có thể vượt quá 90 ngày.

Vì vậy, nội dung này cần được rà soát để quy định thống nhất đơn vị tính theo thời gian, tránh phát sinh vướng mắc trong thực tế.

2.7. Về hành vi bị cấm trong hành nghề kế toán

Luật Kế toán (Điều 13) quy định hành vi nghiêm cấm thuê đơn vị không đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán để cung cấp dịch vụ kế toán là chưa phù hợp với thực tế dịch vụ kế toán và khó kiểm soát, xử lý vi phạm. Hiện nay, quy định này tương tự như đối với dịch vụ kiểm toán.

Về nội dung này, cần rà soát để có quy định rõ hơn về các điều kiện thực hiện dịch vụ kế toán, nhằm phát triển thị trường, giảm bớt chi phí và nguồn nhân lực cho đơn vị. Ngoài ra, tiếp tục rà soát Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán để có quy định phù hợp với quy định của Luật Kế toán.

2.8. Về niêm phong, tạm giữ, tịch thu chứng từ, tài liệu kế toán

Đối với các tài liệu kế toán trên giấy, việc quy định niêm phong, tạm giữ, tịch thu các tài liệu kế toán, nhất là chứng từ kế toán đã được thực hiện phổ biến, không có vướng mắc, không ảnh hưởng đến số liệu ghi sổ kế toán. Tuy nhiên, đối với chứng từ điện tử, tài liệu kế toán điện tử, các hoạt động như niêm phong, tạm giữ, tịch thu các dữ liệu chưa được định nghĩa rõ ràng, không có cơ sở để thực hiện giao nhận tài liệu kế toán, hoặc nếu có giao nhận tài liệu thì có thể ảnh hưởng đến dữ liệu trên sổ kế toán, trên cơ sở dữ liệu của đơn vị.

Vì vậy, cần xem xét lại và quy định phù hợp về việc tạm giữ hoặc tịch thu chứng từ kế toán thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải sao chụp chứng từ bị tạm giữ, bị tịch thu, ký xác nhận trên chứng từ sao chụp và giao bản sao chụp cho đơn vị kế toán; đồng thời lập biên bản ghi rõ lý do, số lượng từng loại chứng từ kế toán bị tạm giữ hoặc bị tịch thu và ký tên, đóng dấu.

2.9. Quy định về sổ kế toán

- Khoản 2 Điều 25 quy định "Mỗi đơn vị kế toán chỉ sử dụng một hệ thống sổ kế toán cho một kỳ kế toán năm". Quy định trên là chưa thực sự rõ ràng, đầy đủ và thống nhất quy định tại khoản 10 Điều 13 các hành vi nghiêm cấm "Lập hai hệ thống sổ kế toán tài chính trở lên". Trên thực tế đơn vị có thể cần phải

mở sổ kế toán cho mục đích kế toán quản trị, quy định nêu trên không rõ về hệ thống kế toán tài chính, như vậy sẽ không phù hợp đối với mở hệ thống sổ cho mục đích kế toán quản trị.

- Một số quy định về sổ kế toán, ví dụ quy định về ghi sổ, chữa sổ kế toán vẫn chủ yếu dựa trên việc ghi sổ bằng tay trong khi hiện nay việc ghi sổ kế toán tại các đơn vị chủ yếu được thực hiện bằng phương tiện điện tử, việc ghi sổ kế toán bằng phương tiện điện tử chỉ được quy định tại khoản 7 Điều 26 "*Đơn vị kế toán được ghi sổ kế toán bằng phương tiện điện tử...*". Quy định nêu trên không bao quát hết các đơn vị và vì vậy không phù hợp trong bối cảnh ứng dụng công nghệ trong hoạt động kế toán hiện nay và xu thế trong tương lai.

2.10. Về báo cáo tài chính

Luật Kế toán (Điều 29) quy định báo cáo tài chính của đơn vị kế toán dùng để tổng hợp và thuyết minh về tình hình tài chính và kết quả hoạt động của đơn vị kế toán. Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán gồm: Báo cáo tình hình tài chính; Báo cáo kết quả hoạt động; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Thuyết minh báo cáo tài chính; Báo cáo khác theo quy định của pháp luật.

Việc liệt kê tên cụ thể các BCTC của đơn vị kế toán như Luật hiện nay, có thể dẫn đến khó khăn trong việc xác định danh mục báo cáo cho các đơn vị kế toán, phù hợp với chuẩn mực quốc tế về kế toán. Trong đó lưu ý đối với các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, rất nhỏ sẽ gặp khó khăn cùng với việc tổ chức bộ máy kế toán.

Trong trường hợp thuê dịch vụ kế toán, cần cần nhắc thêm về quy định yêu cầu cả người lập, kế toán trưởng và người đại diện pháp luật đều ký tên trên BCTC của doanh nghiệp, đơn vị kế toán. Theo thông lệ, nhiều quốc gia chỉ quy định người đại diện pháp luật chịu trách nhiệm trước pháp luật về BCTC của doanh nghiệp, việc người đại diện pháp luật thuê tổ chức, cá nhân nào làm kế toán, dịch vụ kế toán cho họ thì họ vẫn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật nên họ mới cần tìm đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán uy tín, chất lượng.

2.11. Về việc tăng cường tính công khai, minh bạch

Luật Kế toán (Điều 31) đã quy định về nội dung công khai báo cáo tài chính đối với đơn vị sử dụng ngân sách, đơn vị không sử dụng ngân sách, đơn vị kế toán sử dụng các khoản đóng góp của công chúng, đơn vị kế toán thuộc hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên hình thức và thời hạn công khai (Điều 32) chưa thực sự được quy định rõ đối với đơn vị kế toán, các hình thức công khai không

tương đồng nhau, dẫn đến đơn vị làm hình thức, chiếu lệ⁴. Việc tiếp cận thông tin công khai của người quan tâm sử dụng thông tin báo cáo trên thực tế bị hạn chế hoặc có những trường hợp khác bị pháp luật ràng buộc về tính bảo mật.

Ngoài ra, cần rà soát lại, đảm bảo tính đồng bộ, phù hợp với đối tượng, nội dung, hình thức công khai báo cáo tài chính của các luật khác⁵. Một số định hướng cụ thể đối với công khai báo cáo tài chính:

- Quy định lại nội dung công khai BCTC và hình thức công khai cho cụ thể và rõ ràng.

- Bổ sung quy định làm rõ phạm vi công khai báo cáo tài chính; đối tượng nhận thông tin công khai báo cáo tài chính; quy định cụ thể hoặc cân nhắc bỏ nội dung chỉ yêu cầu công khai một số chỉ tiêu của báo cáo tài chính, thay vì đó nên quy định công khai cả báo cáo tài chính chứ không chỉ công khai một số nội dung.

- Về hình thức công khai nên có hình thức bắt buộc như đăng tải trên trang/cổng thông tin điện tử của doanh nghiệp, đơn vị kế toán, ngoài ra có thể chọn công khai thêm theo các hình thức khác.

2.12. Về kiểm toán nội bộ

Luật Kế toán (Điều 39) quy định kiểm toán nội bộ có nhiệm vụ: Kiểm tra tính phù hợp, hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ; Kiểm tra và xác nhận chất lượng, độ tin cậy của thông tin kinh tế, tài chính của báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị trước khi trình ký duyệt; Kiểm tra việc tuân thủ nguyên tắc hoạt động, quản lý, việc tuân thủ pháp luật, chế độ tài chính, kế toán, chính sách, nghị quyết, quyết định của lãnh đạo đơn vị kế toán; Phát hiện những sơ hở, yếu kém, gian lận trong quản lý, bảo vệ tài sản của đơn vị; đề xuất các giải pháp nhằm cải tiến, hoàn thiện hệ thống quản lý, điều hành hoạt động của đơn vị kế toán.

Chính phủ đã ban hành Nghị định 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 quy định chi tiết về kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp. Bộ Tài chính cũng đã ban hành các Thông tư hướng dẫn chuẩn mực kiểm toán nội bộ và quy chế mẫu về kiểm toán nội bộ cho các đơn vị. Tuy nhiên đến nay, vẫn phát sinh vướng mắc trong khâu tổ chức bộ máy kiểm toán nội bộ,

⁴ Ví dụ đơn vị thực hiện một trong các hình thức công khai như phát hành ấn phẩm; thông báo bằng văn bản; niêm yết; đăng tải trên trang thông tin điện tử; các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

⁵ Ví dụ Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư, Luật Kinh doanh bảo hiểm,... có các quy định đặc thù.

đảm bảo tính độc lập, không phát sinh tăng bộ máy tại các đơn vị cả Trung ương và địa phương.

2.13. Về đơn vị kế toán

Luật Kế toán (Điều 49) quy định về tổ chức bộ máy kế toán của đơn vị kế toán, về trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán trong việc tổ chức bộ máy kế toán, bố trí người làm kế toán hoặc quyết định thuê dịch vụ kế toán. Tuy nhiên, việc xác định đơn vị nào là đơn vị kế toán chưa được nêu rõ trong Luật, khi chỉ quy định các đơn vị thuộc đối tượng áp dụng của Luật Kế toán có lập báo cáo tài chính thì được coi là đơn vị kế toán. Trong khi đó, việc quy định các đơn vị lập báo cáo tài chính được nêu trong các Thông tư hướng dẫn chế độ kế toán, được ban hành bởi Bộ Tài chính.

Thực tế phát sinh, các đơn vị có quy mô rất nhỏ, đặc biệt là trong khu vực công, cũng phải tổ chức bộ máy kế toán, trong khi tổ chức bộ máy của đơn vị không đủ người để bố trí bộ máy kế toán⁶. Một số trường hợp, bộ máy kế toán được bố trí trong các phòng, ban, bộ phận của đơn vị mà không thể tổ chức thành bộ phận riêng, nên rất khó trong việc tổ chức, điều hành công việc. Trên thực tế, một số đơn vị hạch toán phụ thuộc, nhưng vẫn tổ chức bộ máy kế toán do xác định mình là đơn vị kế toán và lập báo cáo tài chính.

Theo quy định hiện nay, đơn vị kế toán là đơn vị phải lập BCTC, trong đó có các doanh nghiệp siêu nhỏ. Thực tế, trường hợp doanh nghiệp siêu nhỏ thuộc đối tượng nộp thuế TNDN tỷ lệ ấn định cũng phải lập BCTC sẽ không phù hợp với thực tế, yêu cầu quản lý và điều kiện của doanh nghiệp, tuy nhiên cần xác định doanh nghiệp loại này có phải là đơn vị kế toán không, vì doanh nghiệp này cũng hoạt động độc lập, cũng phải kê khai và nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

Từ các vướng mắc nêu trên, cần có quy định phù hợp hơn về đơn vị kế toán hoặc có những quy định rõ ràng hơn về đơn vị báo cáo. Từ đó xác định rõ đơn vị nào phải lập báo cáo tài chính, đơn vị nào phải tổ chức bộ máy kế toán, từ đó giảm bớt chi phí xã hội, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các đơn vị, doanh nghiệp.

2.14. Về quy định đối với người làm kế toán

- Luật Kế toán (Điều 54) quy định về tiêu chuẩn, quyền và trách nhiệm của người làm kế toán. Cụ thể quy định người làm kế toán phải có chuyên môn,

⁶ Một số tổ chức xã hội cấp tỉnh, như Hội người mù, Hội khuyến học được xác định là đơn vị kế toán. Tuy nhiên tổ chức bộ máy không đủ để hình thành lên bộ máy kế toán tại đơn vị.

ng nghiệp vụ về kế toán (kế toán trưởng từ trình độ trung cấp trở lên). Ngoài ra Khoản 5, Điều 18 Nghị định 174/2017/NĐ-CP quy định: *Người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ về kế toán là người đã tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học, sau đại học chuyên ngành tài chính, kế toán, kiểm toán tại các trường trung cấp, cao đẳng, đại học hoặc các học viện ở trong và ngoài nước...*". Quy định này không phù hợp với thực tế về các ngành, chuyên ngành đào tạo của hệ thống giáo dục hiện nay. Trên thực tế có nhiều trường hợp tốt nghiệp đại học các ngành khác chuyên ngành tài chính, kế toán, kiểm toán (ví dụ như: quản trị kinh doanh) tuy nhiên trên bảng điểm ghi rõ: chuyên ngành kế toán, kiểm toán hoặc chuyên ngành quản trị tài chính kế toán. Các trường hợp này được coi là có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán.

- Luật Kế toán (Điều 54) quy định tiêu chuẩn và điều kiện của kế toán trưởng "*Có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng*". Hiện nay, chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng bao gồm chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng doanh nghiệp và hành chính sự nghiệp, tuy nhiên trong Luật Kế toán và Nghị định hướng dẫn chưa có quy định trường hợp có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng doanh nghiệp có thể bổ nhiệm kế toán trưởng của các đơn vị trong lĩnh vực nhà nước không và ngược lại. Nghị định 174/2017/NĐ-CP quy định tiêu chuẩn, điều kiện của kế toán trưởng và phụ trách kế toán giống nhau, gây khó khăn vướng mắc trong khâu tổ chức thực hiện, vì nếu đã đủ tiêu chuẩn là phụ trách kế toán thì đơn vị có thể bổ nhiệm kế toán trưởng. Ngoài ra, một số người có chứng chỉ kế toán viên, kiểm toán viên trong và ngoài nước, nhưng không có điều kiện học để cấp bằng kế toán trưởng, vì vậy không đủ điều kiện để được bổ nhiệm kế toán trưởng, vì các chứng chỉ này không thay thế được chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng.

- Luật Kế toán (Điều 53) quy định *kế toán trưởng của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước và doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ ngoài nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này còn có nhiệm vụ giúp người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán giám sát tài chính tại đơn vị kế toán*. Như vậy, quy định trong Luật (Khoản 2 Điều 53) chưa đề cập đến nhiệm vụ kế toán trưởng tại các đơn vị kế toán là cơ quan có nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước các cấp; tổ chức, đơn vị sự nghiệp không sử dụng ngân sách nhà nước giúp người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán giám sát tài chính tại đơn vị.

Từ thực tế nêu trên cần rà soát và chỉnh sửa các quy định về người làm kế toán, phụ trách kế toán và kế toán trưởng cho phù hợp với thực tế hiện nay và thời gian tới.

2.15. Về tổ chức bộ máy kế toán, kế toán trưởng

Hiện nay, Luật Kế toán (Điều 54) quy định điều kiện để bổ nhiệm kế toán trưởng là phải có chứng chỉ kế toán trưởng, mà không có quy định về chứng chỉ kế toán viên, kiểm toán viên. Trên thực tế, những người có chuyên môn nghiệp vụ có chứng chỉ kế toán viên, kiểm toán viên lại không có thời gian đi học để có chứng chỉ kế toán trưởng. Vì vậy đối với tiêu chuẩn và điều kiện của kế toán trưởng nên bổ sung thêm điều kiện có chứng chỉ kế toán trưởng hoặc chứng chỉ kế toán viên, kiểm toán viên.

Quy định tiêu chuẩn của kế toán trưởng và người phụ trách kế toán đều như nhau nên đối với các doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, có thể bố trí người phụ trách kế toán mà không bắt buộc phải bố trí kế toán trưởng sẽ không có ý nghĩa trong thực tiễn.

Cần bổ sung thêm quy định về việc kế toán trưởng phải chịu trách nhiệm đối với báo cáo tài chính trong giai đoạn mà mình được phân công là kế toán trưởng.

Qua thực tế triển khai Luật Kế toán, một số ý kiến từ thực tế cho rằng việc bố trí kế toán trưởng tại các đơn vị kế toán nhà nước hoặc khu vực công là không thực sự cần thiết. Đối với đơn vị có quy mô nhỏ, việc phải bố trí đơn vị kế toán sẽ gây khó khăn cho đơn vị. Tuy nhiên nếu không bố trí bộ máy kế toán, cần có các quy định phù hợp về chế độ báo cáo, chấp hành ngân sách của đơn vị. Vì vậy, nội dung này cần được nghiên cứu kỹ lưỡng, phù hợp với yêu cầu quản lý ngân sách, tài chính công ở cả Trung ương và địa phương.

2.16. Đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán

- Luật Kế toán (Điều 59) quy định doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài được góp vốn với các cá nhân để thành lập doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán. Tuy nhiên Khoản 4 Điều 59 quy định doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài thực hiện kinh doanh dịch vụ kế toán tại Việt Nam phải góp vốn với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán đã được thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Trên thực tế, tài liệu để chứng minh doanh nghiệp kinh doanh nước ngoài kinh doanh dịch vụ kế toán gặp nhiều khó khăn, công tác quản lý không có hiệu quả thực tế, vì vậy, đề nghị xem xét lại quy định này.

- Luật Kế toán quy định về điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán. Trong quá trình thực hiện, đã có vướng mắc phát sinh trong thực tế. Đối với nội dung này, cần quy định rõ là một hay tất cả người đại diện theo pháp luật là kế toán viên hành nghề theo 2 trường hợp như sau:

+ Đối với loại hình Công ty TNHH, hợp danh thì chỉ nên quy định 01 người đại diện theo pháp luật, giám đốc hoặc tổng giám đốc là kế toán viên hành nghề. Không nên yêu cầu tất cả người đại diện theo pháp luật là kế toán viên hành nghề, vì doanh nghiệp có thể hoạt động trong nhiều lĩnh vực, có nhiều người đại diện theo pháp luật, mỗi người phụ trách theo lĩnh vực khác nhau

+ Quy định rõ hơn về việc có nhiều người đại diện pháp luật thì tất cả người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán phải là kế toán viên hành nghề.

- Ngoài ra, cần rà soát để điều chỉnh các quy định sau đây:

+ Rà soát để quy định phù hợp với cam kết WTO về việc không hạn chế việc nhà đầu tư nước ngoài thành lập doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kế toán tại Việt Nam.

+ Rà soát, sửa đổi điều kiện kinh doanh đối với doanh nghiệp tư nhân theo hướng chỉ nên quy định có 01 kế toán viên hành nghề hoặc là ít nhất 1 kế toán viên hành nghề thay vì yêu cầu 2 kế toán viên hành nghề.

+ Rà soát sửa quy định yêu cầu xóa cụm từ “dịch vụ kế toán” trong tên gọi. Qua triển khai thực tế thực tế tên gọi của doanh nghiệp có thể chỉ có cụm từ “kế toán” nhưng không thể yêu cầu xóa bỏ được (tương tự như tại Điều 13).

+ Tại khoản 4 Điều 61, đề nghị bỏ quy định hợp đồng lao động đối với kế toán viên hành nghề. Lý do là trong hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán đã có quy định hồ sơ đăng ký hành nghề kế toán của cá nhân đã có bản sao hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian tại đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán.

+ Đề nghị sửa lại quy định về các trường hợp cấp lại GCN đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán khi có thay đổi thông tin trên Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán về người đại diện pháp luật, giám đốc, tổng giám đốc (thay vì chỉ là thay đổi họ và tên như hiện nay), trong đó xem xét bỏ trường hợp thay đổi địa chỉ trụ sở chi nhánh kinh doanh dịch vụ kế toán

+ Xem xét lại quy định thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán nếu không khắc phục được sai phạm về duy trì điều kiện kinh doanh trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày đình chỉ. Đề nghị bổ sung quy định trong thời hạn sau 06 tháng kể từ ngày không đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ

kế toán thì doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán vì thực tế có nhiều trường hợp không đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán nhưng ko thông báo cho Bộ Tài chính nên không bị cảnh báo, không bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kế toán, khi phát hiện đã quá cả thời hạn bị đình chỉ nhưng thực tế không bị đình chỉ nên không thể thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán.

+ Trên thực tế, khi không đủ điều kiện đăng ký hành nghề thì đương nhiên không được hành nghề kế toán. Vì vậy nghiên cứu việc bỏ Điểm b Khoản 6 Điều 69 về việc kế toán viên hành nghề không đủ điều kiện đăng ký hành nghề thì bị đình chỉ hành nghề dịch vụ kế toán.

2.17. Về cung cấp dịch vụ kế toán

Luật Kế toán quy định để thành lập doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kế toán phải có ít nhất 02 người có chứng chỉ kế toán, trong đó Giám đốc doanh nghiệp phải có chứng chỉ hành nghề kế toán từ 02 năm trở lên. Doanh nghiệp có thể được thành lập dưới hình thức Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (tương tự như đối với doanh nghiệp kiểm toán độc lập) và có vốn điều lệ theo quy định của Chính phủ. Những người có chứng chỉ hành nghề kế toán làm việc trong doanh nghiệp phải tham gia góp vốn tối thiểu 50% vốn điều lệ đơn vị.

Tuy nhiên các quy định hiện nay có thể hạn chế việc phát triển các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kế toán. Mặt khác, các quy định này cũng không tương đồng với quy định trong Luật Quản lý thuế về việc cung cấp dịch vụ kế toán cho các doanh nghiệp siêu nhỏ.

Chính vì vậy, cần rà soát lại điều kiện hành nghề, điều kiện đăng ký kinh doanh dịch vụ kế toán để quy định phù hợp với thực tế và đồng bộ với các quy định pháp luật khác về hành nghề kế toán.

2.1.8. Về tổ chức nghề nghiệp kế toán

Luật Kế toán (Điều 70) quy định về các tổ chức nghề nghiệp kế toán như sau: “Tổ chức nghề nghiệp về kế toán được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật về Hội và có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật về kế toán. Tổ chức nghề nghiệp về kế toán được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho người làm kế toán, kế toán viên hành nghề và thực hiện một số nhiệm vụ liên quan đến hoạt động kế toán do Chính phủ quy định”.

Hiện nay tổ chức nghề nghiệp kế toán là Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam đã được chuyển đổi thành mô hình Hiệp hội. Việc thành lập tổ chức và hoạt động của Hội được thực hiện theo quy định pháp luật về Hội, với trách

nhiệm tuân thủ quy định pháp luật về kế toán, tuy nhiên chưa có quy định cụ thể của pháp luật về Hội.

Thực hiện Chiến lược kế toán, kiểm toán đến năm 2030, căn cứ quy định của pháp luật về Hội, cần nghiên cứu quy định phù hợp trong Luật Kế toán, để Hội nghề nghiệp có thể tham gia hiệu quả vào việc xây dựng pháp luật về kế toán - kiểm toán, xây dựng ban hành các quy định pháp lý liên quan đến trách nhiệm hoạt động của các tổ chức nghề nghiệp về kế toán - kiểm toán; xây dựng mô hình tổ chức hoạt động nghề nghiệp thống nhất, tự quản, chuyên nghiệp, theo thông lệ quốc tế, thu hút đông đảo hội viên tham gia. Nâng cao hiệu quả việc tham gia xây dựng và phản biện cơ chế, chính sách; nâng cao năng lực quản lý, giám sát việc tuân thủ các chuẩn mực nghề nghiệp, các chuẩn mực và quy định về đạo đức nghề nghiệp của các kế toán viên, kiểm toán viên; kiểm tra chất lượng dịch vụ và bồi dưỡng kiến thức chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp cho người hành nghề kế toán - kiểm toán; tổ chức thi và cấp các chứng chỉ nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

Cụ thể là cần nghiên cứu để giao các hoạt động nghề nghiệp phù hợp với pháp luật và năng lực của hội nghề nghiệp theo lộ trình phù hợp, đảm bảo nguyên tắc ổn định và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2.19. Về quản lý nhà nước về kế toán

Ngoài việc nghiên cứu quy định để các đơn vị phối hợp có hiệu quả, thực hiện chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 – 2030, cần có nghiên cứu để quy định trong Luật Kế toán về việc phân cấp công tác quản lý, kiểm tra, giám sát rõ hơn nhằm đảm bảo tính khả thi, hiệu quả trong thực tiễn.

Nghiên cứu để quy định rõ hơn trong Luật Kế toán trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc hướng dẫn chế độ kế toán đối với ngân hàng và các tổ chức tín dụng.

2.20. Về phần mềm kế toán

Các phần mềm kế toán hiện nay được phát triển khá đa dạng, chất lượng khác nhau, nguyên nhân xuất phát từ kinh nghiệm, khả năng của nhà cung cấp phần mềm kế toán; xuất phát từ khả năng nắm bắt và đưa ra yêu cầu kỹ thuật của đơn vị kế toán đối với nhà cung cấp phần mềm, từ việc hiểu biết và sử dụng các ứng dụng của đội ngũ kế toán viên, nhân viên của các đơn vị kế toán.

Thực tế này đòi hỏi trong Luật Kế toán cần có những quy định mới, có tính nguyên tắc, là các yêu cầu về mặt nghiệp vụ, để đảm bảo chất lượng của các

phần mềm kế toán, các ứng dụng hệ thống mà đơn vị kế toán sử dụng trong công tác kế toán, công tác quản lý đơn vị.

3. Các nội dung liên quan cần thực hiện để triển khai Luật Kế toán

3.1. Ban hành, công bố các hệ thống chuẩn mực kế toán

- Xác định khung báo cáo phù hợp đối với từng loại hình doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả của thông tin tài chính, kế toán⁷. Triển khai áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế tại Việt Nam theo lộ trình do Bộ Tài chính xác định đối với các doanh nghiệp có nhu cầu và đủ điều kiện áp dụng. Xây dựng và tổ chức thực hiện chuẩn mực báo cáo tài chính Việt Nam phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện Việt Nam thay thế hệ thống chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Ban hành các văn bản hướng dẫn kế toán phù hợp đối với các doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ.

Đối với hệ thống chuẩn mực báo cáo tài chính, cần có định hướng rõ hơn và đảm bảo các điều kiện để sử dụng giá trị hợp lý trong việc ghi nhận và trình bày báo cáo tài chính. Đây là nội dung khá phức tạp, cho đến nay vẫn còn gặp các vướng mắc trong quá trình chuẩn bị các điều kiện triển khai áp dụng.

- Công bố hệ thống chuẩn mực kế toán công Việt Nam trên cơ sở chuẩn mực kế toán công quốc tế, phù hợp với xu hướng cải cách quản lý tài chính công và ngân sách nhà nước của Việt Nam. Hệ thống chuẩn mực kế toán công của Việt Nam đảm bảo yêu cầu tạo lập cơ sở thống nhất cho việc ghi chép kế toán, là mực thước và khuôn mẫu lập và trình bày thông tin tài chính của các đơn vị kế toán thuộc khu vực Nhà nước, báo cáo tài chính nhà nước và chính quyền địa phương.

3.2. Tăng cường năng lực cơ quan quản lý, giám sát về kế toán và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát tính tuân thủ pháp luật về kế toán

- Nâng cao năng lực cho cơ quan trực tiếp thực hiện chức năng quản lý, giám sát về kế toán; có giải pháp phù hợp thu hút nhân sự có chất lượng cao để thực hiện tốt và có hiệu quả nhiệm vụ quản lý, giám sát về kế toán. Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế và triển khai phương án phù hợp để tổ chức hoạt động theo mô hình tham vấn ý kiến tư vấn về kế toán, nhằm có các quyết định phù hợp với thông lệ quốc tế, pháp luật của Việt Nam và thực tiễn của đơn vị.

- Đổi mới và triển khai hiệu quả nội dung, phương thức và điều kiện thực

⁷ Khung báo cáo cho các doanh nghiệp bao gồm: Các doanh nghiệp áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế; các doanh nghiệp áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính Việt Nam; các doanh nghiệp áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ, các doanh nghiệp áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp siêu nhỏ.

hiện công tác quản lý, giám sát hoạt động kế toán. Tăng cường phối hợp với các cơ quan, đơn vị có chức năng nhiệm vụ kiểm tra, giám sát báo cáo tài chính và việc chấp hành pháp luật kế toán. Phối hợp với các tổ chức nghề nghiệp, cơ sở đào tạo và đội ngũ chuyên gia có kinh nghiệm thực tế về hành nghề kế toán để tăng cường công tác đào tạo chuyên môn nghiệp vụ kế toán, ngoại ngữ, kỹ năng kiểm tra, giám sát báo cáo tài chính, việc tuân thủ pháp luật kế toán.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo nguồn nhân lực thực hiện giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật về kế toán của các doanh nghiệp, tổ chức trong khu vực nhà nước và khu vực doanh nghiệp. Chú trọng đến cơ chế giám sát việc tuân thủ chuẩn mực kế toán của các công ty niêm yết và các công ty có lợi ích công chúng khác. Đảm bảo điều kiện để nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát thị trường dịch vụ kế toán; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm chuẩn mực kế toán và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

- Cụ thể hóa trách nhiệm, nghĩa vụ của các doanh nghiệp, đơn vị kế toán và các cá nhân trong việc tăng cường tính công khai, minh bạch tình hình tài chính, đảm bảo quyền bình đẳng trong việc tiếp cận thông tin của nhà đầu tư và các bên liên quan đối với báo cáo tài chính và các thông tin tài chính khác.

- Tăng cường các hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật và các chuẩn mực chuyên môn nghiệp vụ của các doanh nghiệp, đơn vị kế toán; các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kế toán; việc tổ chức hệ thống thông tin, sử dụng phần mềm phục vụ công tác kế toán tại các doanh nghiệp, đơn vị kế toán và các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kế toán. Thực hiện có hiệu quả việc công khai, minh bạch thông tin kinh tế, tài chính của các doanh nghiệp, đơn vị kế toán, cơ quan, tổ chức kinh tế; trong đó lưu ý đối với đơn vị có lợi ích công chúng.

- Tăng cường việc kiểm tra, hướng dẫn tổ chức triển khai có hiệu quả hoạt động kiểm toán nội bộ tại các doanh nghiệp, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ và đơn vị sự nghiệp công lập có quy mô lớn theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính⁸.

3.3. Phát triển thị trường dịch vụ kế toán

- Xác định tiêu chí đối với các đơn vị có lợi ích công chúng theo hướng bổ sung các đối tượng cần thiết, cùng với các yêu cầu về công khai, minh bạch BCTC chặt chẽ và hiệu quả hơn nhằm đảm bảo lợi ích công chúng và sự phát

⁸ Theo quy định của Nghị định số 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về Kiểm toán nội bộ.

triển bền vững chung của nền kinh tế. Nghiên cứu, xác định về đối tượng kiểm toán BCTC hàng năm là các đơn vị sự nghiệp công lập quy mô lớn, đặc biệt là các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ cả chi đầu tư và chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về chi thường xuyên.

- Xây dựng các tiêu chí, định hướng về quy mô, số lượng và chất lượng dịch vụ của các doanh nghiệp dịch vụ kế toán phù hợp với yêu cầu của thực tế, thông qua việc hoàn thiện cơ chế và điều kiện hành nghề; tăng cường số lượng và chất lượng đội ngũ kế toán viên; thực hiện hiệu quả các giải pháp đối với nguồn cung dịch vụ, nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ kế toán.

- Hoàn thiện và triển khai thực hiện các quy định pháp lý, tạo cơ sở và điều kiện cho việc đàm phán, tham gia các thỏa thuận quốc tế và công nhận lẫn nhau đối với dịch vụ kế toán với các nước trong khu vực và trên thế giới.

3.4. Phát triển các hội nghề nghiệp

- Căn cứ quy định của pháp luật về Hội, pháp luật về kế toán, xây dựng ban hành các quy định pháp lý liên quan đến trách nhiệm hoạt động của các tổ chức nghề nghiệp về kế toán; xây dựng mô hình tổ chức hoạt động nghề nghiệp thống nhất, tự quản, chuyên nghiệp, theo thông lệ quốc tế, thu hút đông đảo hội viên tham gia.

- Nâng cao hiệu quả việc tham gia xây dựng và phản biện cơ chế, chính sách; nâng cao năng lực quản lý, giám sát việc tuân thủ các chuẩn mực nghề nghiệp, các chuẩn mực và quy định về đạo đức nghề nghiệp của các kế toán viên; kiểm tra chất lượng dịch vụ và bồi dưỡng kiến thức chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp cho người hành nghề kế toán.

- Nghiên cứu để chuyển giao các hoạt động nghề nghiệp phù hợp với pháp luật và năng lực của hội nghề nghiệp theo lộ trình phù hợp, đảm bảo nguyên tắc ổn định và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Mở rộng quan hệ hợp tác với các tổ chức nghề nghiệp trong khu vực và trên thế giới, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hội nghề nghiệp, góp phần thúc đẩy hội nhập kế toán.

3.5. Phát triển nguồn nhân lực về kế toán

- Đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp để nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực kế toán, kết hợp lý luận và thực tiễn, gắn liền với quy trình số hóa và chuyển đổi số về kế toán. Quan tâm đến đội ngũ nhân lực chất lượng cao về kế toán, phục vụ nhu cầu của các doanh nghiệp, đơn vị kế

toán và các tổ chức khác trong toàn bộ nền kinh tế trong bối cảnh hội nhập ngày càng sâu rộng.

- Đổi mới phương thức học, tổ chức thi và cấp chứng chỉ kế toán viên, đảm bảo các kiến thức và kỹ năng theo đúng yêu cầu, thông lệ quốc tế, đảm bảo các điều kiện công nhận lẫn nhau trong khu vực và trên thế giới.

- Nâng cao ý thức kỷ luật, trình độ chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp của kế toán viên thông qua việc đổi mới quy định về nội dung, hình thức đào tạo, cập nhật kiến thức; quan tâm, khuyến khích các chương trình đào tạo chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế nhằm tiếp cận kiến thức và kỹ năng hành nghề theo thông lệ quốc tế.

- Đổi mới nội dung, hình thức và chương trình đào tạo, bồi dưỡng kế toán trưởng; xây dựng nội dung, chương trình cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ hàng năm cho kế toán trưởng của các đơn vị có lợi ích công chúng.

- Có giải pháp hỗ trợ để nâng cao trình độ và hoạt động nghiệp vụ của đội ngũ kế toán làm việc trong các doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ.

3.6. Tăng cường, mở rộng các hoạt động hợp tác quốc tế

- Tăng cường mối quan hệ và tranh thủ sự giúp đỡ của các tổ chức nghề nghiệp quốc tế về kế toán và các tổ chức phi Chính phủ trong việc nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm về kế toán; hỗ trợ kỹ thuật đổi mới mô hình quản lý nghề nghiệp kế toán cũng như các kỹ thuật chuyên môn nghiệp vụ khác về kế toán.

- Nghiên cứu mô hình của các nước phát triển để vận dụng vào Việt Nam trong việc tổ chức, quản lý hoạt động kiểm tra, giám sát báo cáo tài chính; hoạt động xây dựng, áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính; xây dựng kỹ thuật nghiệp vụ kế toán; phát triển dịch vụ kế toán; hoàn thiện mô hình đào tạo, thi, cấp chứng chỉ kế toán viên.

- Nghiên cứu, triển khai các giải pháp để thúc đẩy mạnh mẽ hội nhập kế toán; thị trường dịch vụ kế toán với các nước trên thế giới và khu vực.

- Tăng cường hợp tác ASEAN trong lĩnh vực thừa nhận lẫn nhau về dịch vụ kế toán, mở rộng trao đổi kế toán viên chuyên nghiệp tiêu chuẩn ASEAN, gia tăng số lượng kế viên Việt Nam đạt chứng chỉ kế toán chuyên nghiệp ASEAN và tham gia cung cấp dịch vụ kế toán tại các nước ASEAN.

- Tham gia vào quá trình xây dựng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế, chuẩn mực kế toán công của các Ủy ban chuẩn mực kế toán quốc tế. Tiếp tục hỗ trợ tổ chức nghề nghiệp thực hiện đầy đủ vai trò thành viên của các tổ chức Liên

đoàn tế toán quốc tế (IFAC), Hiệp hội kế toán ASEAN (AFA) và thành viên Hiệp hội kế toán Châu Á - Thái Bình Dương (CAPA).

3.7. Ứng dụng công nghệ thông tin và các hoạt động khác

- Về ứng dụng công nghệ: Tiếp tục rà soát, cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính để tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp, đơn vị kế toán; các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán và người hành nghề kế toán. Ứng dụng hiệu quả thành tựu phát triển của công nghệ thông tin, đáp ứng yêu cầu của quá trình số hóa và chuyển đổi số trong hoạt động kế toán tại các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, đơn vị kế toán.

- Về các hoạt động khác:

+ Triển khai có hiệu quả và chất lượng công tác lập báo cáo tài chính nhà nước nhằm phản ánh đầy đủ thông tin về tài sản, nguồn lực và nghĩa vụ của Chính phủ, chính quyền địa phương, làm cơ sở cho việc hoạch định các cơ chế, chính sách quản lý điều hành tài chính, ngân sách.

+ Xây dựng hệ thống dữ liệu phục vụ công tác quản lý, giám sát thị trường dịch vụ kế toán; kết nối thông tin giữa các cơ quan quản lý, giám sát kế toán, thị trường chứng khoán; đảm bảo việc công bố thông tin minh bạch, kịp thời cho thị trường về đội ngũ các doanh nghiệp kế toán cũng như các kế toán viên hành nghề.

+ Các đơn vị liên quan phối hợp tổ chức hệ thống thông tin, dữ liệu về thông tin tài chính của các doanh nghiệp, đơn vị kế toán, phục vụ việc khai thác dữ liệu theo dịch vụ công của các tổ chức, cá nhân đảm bảo thông tin chính thống được sử dụng trong các quan hệ, giao dịch kinh tế.

+ Tổ chức bộ máy kế toán tài chính tại các đơn vị kế toán nhà nước theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng việc lập và trình bày báo cáo tài chính nhà nước, nâng cao trách nhiệm giải trình của các đơn vị trong việc quản lý và sử dụng hiệu quả tài sản và nguồn lực nhà nước từ Trung ương đến địa phương./.

BỘ TÀI CHÍNH

Phụ lục

VĂN BẢN HƯỚNG DẪN LUẬT KẾ TOÁN

(1) Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán;

(2) Nghị định số 25/2017/NĐ-CP ngày 14/3/2017 của Chính phủ về Báo cáo tài chính nhà nước;

(3) Nghị định số 41/2018/NĐ-CP ngày 12/03/2018 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập;

(4) Nghị định số 05/2019/NĐ-CP ngày 22/1/2019 của Chính phủ quy định về kiểm toán nội bộ;

(5) Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16/11/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, hóa đơn; hải quan; kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số; quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước; kế toán, kiểm toán độc lập;

(6) Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp;

(7) Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 16/8/2016 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa;

(8) Thông tư số 271/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí thẩm định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán, kiểm toán;

(9) Thông tư số 292/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 hướng dẫn cập nhật kiến thức hằng năm cho kế toán viên hành nghề và người đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán;

(10) Thông tư số 296/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 hướng dẫn về cấp, thu hồi và quản lý Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán;

(11) Thông tư số 297/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 về cấp, quản lý và sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán;

(12) Thông tư 317/2016/TT-BTC ngày 07/12/2016 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;

(13) Thông tư số 24/2017/TT-BTC ngày 28/3/2017 hướng dẫn chế độ kế toán hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

(14) Thông tư 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017 hướng dẫn Chế độ kế toán Ngân sách nhà nước và hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;

(15) Thông tư số 91/2017/TT-BTC ngày 31/08/2017 của Bộ Tài chính quy định về việc thi, cấp, quản lý Chứng chỉ kiểm toán viên và Chứng chỉ kế toán viên;

(16) Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp;

(17) Thông tư số 16/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 hướng dẫn một số Điều về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

(18) Thông tư số 23/2018/TT-BTC ngày 12/3/2018 hướng dẫn kế toán chứng quyền có bảo đảm đối với công ty chứng khoán là tổ chức phát hành;

(19) Thông tư số 74/2018/TT-BTC ngày 16/08/2018 hướng dẫn chế độ kế toán đối với các khoản vay, trả nợ của Chính phủ, chính quyền địa phương; thống kê, theo dõi các khoản nợ cho vay lại và bảo lãnh Chính phủ;

(20) Thông tư 99/2018/TT-BTC ngày 01/11/2018 hướng dẫn lập báo cáo tài chính tổng hợp của đơn vị kế toán nhà nước là đơn vị kế toán cấp trên do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;

(21) Thông tư số 102/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 hướng dẫn kế toán Bảo hiểm xã hội;

(22) Thông tư 103/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 hướng dẫn kế toán áp dụng cho Quỹ “Vì người nghèo” do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;

(23) Thông tư 108/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018 hướng dẫn kế toán dự trữ quốc gia do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;

(24) Thông tư 109/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018 về hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ Tích lũy trả nợ do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;

(25) Thông tư 112/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư 174/2015/TT-BTC ngày 10/11/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán nghiệp vụ thuế và thu khác đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;

(26) Thông tư số 132/2018/TT-BTC ngày 28/12/2018 hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ;

(27) Thông tư số 133/2018/TT-BTC ngày 28/12/2018 hướng dẫn lập báo cáo tài chính nhà nước;

(28) Thông tư số 05/2019/TT-BTC ngày 25/01/2019 hướng dẫn kế toán áp dụng cho tổ chức tài chính vi mô;

(29) Thông tư số 44/2019/TT-BTC ngày 19/07/2019 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 292/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cập nhật kiến thức hằng năm cho kế toán viên hành nghề và người đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán và Thông tư số 296/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về cấp, thu hồi và quản lý Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán;

(30) Thông tư 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 về hướng dẫn chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;

(31) Thông tư 76/2019/TT-BTC ngày 05/11/2019 về hướng dẫn kế toán tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;

(32) Thông tư 79/2019/TT-BTC ngày 14/11/2019 về hướng dẫn Chế độ kế toán áp dụng cho ban quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;

(33) Thông tư số 89/2019/TT-BTC ngày 26/12/2019 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam;

(34) Thông tư số 19/2020/TT-BTC ngày 31/03/2020 sửa đổi Thông tư số 77/2017/TT-BTC ngày 28/07/2017 hướng dẫn Chế độ kế toán Ngân sách nhà nước và hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước do Bộ Tài chính ban hành;

(35) Thông tư 39/2020/TT-BTC ngày 15/05/2020 sửa đổi chế độ báo cáo tại Thông tư trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập;

(36) Thông tư 40/2020/TT-BTC ngày 15/05/2020 về hướng dẫn chế độ báo cáo trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập tại Nghị định 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 hướng dẫn Luật Kế toán và Nghị định 17/2012/NĐ-CP ngày 13/03/2012 hướng dẫn Luật Kiểm toán độc lập;

(37) Thông tư 66/2020/TT-BTC ngày 10/07/2020 ban hành Quy chế mẫu về kiểm toán nội bộ áp dụng cho doanh nghiệp;

(38) Thông tư 78/2020/TT-BTC ngày 14/08/2020 về hướng dẫn kế toán nghiệp vụ thi hành án dân sự;

(39) Thông tư số 08/2021/TT-BTC ngày 25/01/2021 ban hành chuẩn mực kiểm toán nội bộ và các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp;

(40) Thông tư 09/2021/TT-BTC ngày 25/01/2021 về hướng dẫn kiểm tra hoạt động dịch vụ kế toán;

(41) Thông tư 26/2021/TT-BTC ngày 07/04/2021 về hướng dẫn công tác kế toán khi thực hiện chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;

(42) Thông tư số 39/2021/TT-BTC ngày 01/6/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 133/2018/TT-BTC ngày 28/12/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập báo cáo tài chính nhà nước;

(43) Thông tư 88/2021/TT-BTC ngày 11/10/2021 hướng dẫn chế độ kế toán cho các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;

(44) Thông tư 90/2021/TT-BTC ngày 13/10/2021 hướng dẫn kế toán áp dụng cho Quỹ tài chính Nhà nước ngoài ngân sách do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.